

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán niên độ 2017	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29
<b>PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM</b>	
1. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng	30 - 35
2. Chi tiết các khoản người mua trả trước	36 - 40
3. Chi tiết các khoản phải trả người bán	41 - 43
4. Chi tiết các khoản trả trước cho người bán	44 - 46
5. Chi tiết công trình dở dang	47 - 52
6. Chi tiết các khoản phải trả khác	53 - 54
7. Chi tiết các khoản tạm ứng	55 - 57



# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

## BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2 ("Công ty") trình bày bản báo cáo này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

### 01. Thông tin chung

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Dịch Vụ Công Ích Quận 2 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301481314, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 10 năm 2010, trong quá trình hoạt động công ty đã nhiều lần thay đổi giấy chứng nhận, giấy chứng nhận thay đổi lần gần nhất là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 14 tháng 09 năm 2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Một số nội dung chính của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như sau:

- Tên Doanh nghiệp : Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2
- Tên giao dịch : District 2 Public Service Company Limited (viết tắt là D2PS CO., LTD)
- Trụ sở chính đặt tại : 936 Nguyễn Thị Định, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
- Chủ sở hữu : Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ chủ sở hữu : 86 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Thị Thu Hằng ; Chức vụ: Giám đốc
- Vốn điều lệ : 99.905.000.000 VND
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác : Theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

### 02. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

- Hoạt động công ích: quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị theo phân cấp (CTGT, CTCC, CTĐT).
- Quản lý, cho thuê bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao quận quản lý.
- Hoạt động kinh doanh khác: Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp. Thi công công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đô thị theo HĐKT với khách hàng (sau khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện KD theo quy định).
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán hoặc cho thuê; đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng để chuyển quyền sử dụng đất.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng. Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, theo quy hoạch xây dựng để chuyển quyền sử dụng đất.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.
- Quản lý khai thác chợ.
- Thi công công trình điện chiếu sáng, công trình cấp thoát nước.

1481  
CÔNG  
TRÁCH NHIỆM  
HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH  
QUẬN 2  
TP. HỒ CHÍ MINH

## CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở công ty). Kinh doanh nhà ở.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Khai thác, xử lý, mua bán nước sinh hoạt. Phân phối kinh doanh nước sạch.
- Dịch vụ trông giữ xe các loại. Vệ sinh khai thông cống rãnh, bồn nước.
- Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt. Thu gom, phân loại, đóng gói, vận chuyển rác thải (sinh hoạt, công nghiệp, y tế).
- Hoạt động xử lý rác thải rắn (không hoạt động tại trụ sở công ty).
- Trồng hoa, cây cảnh. Trồng và chăm sóc cây xanh đường phố. Mua bán hoa và cây cảnh.

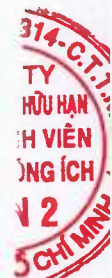
### 03. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

#### Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Minh Long	Chủ tịch

#### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Giám đốc
Bà Châu Thị Diễm	Kế toán trưởng



### 04. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng thu nhập	284.135.942.954	324.517.016.183
Tổng chi phí	261.165.011.916	302.989.216.165
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>22.970.931.038</b>	<b>21.527.800.018</b>

### 05. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh số liệu hay công bố trong Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

#### 06. Kiểm toán viên độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán AS (ASCO) là kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2.

#### 07. Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót;

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

#### 08. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hằng



AS AUDITING COMPANY

63A Vo Van Tan St., Ward 6, Dist.3, HCM City

Tel : (84.28) 39301277 - 39301278 Fax : (84.28) 39301395

E-mail: as@kiemtoanas.com.vn Website: www.kiemtoanas.com.vn

Số: 143.02.18/AS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được đầy đủ các thư xác nhận công nợ liên quan đến các khoản sau:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*xem thuyết minh V.03*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 88,05%
- Trả trước người bán ngắn hạn (*xem thuyết minh V.04*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 43,21%
- Phải thu ngắn hạn khác (*xem thuyết minh V.05*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 39,23%
- Phải trả người bán ngắn hạn (*xem thuyết minh V.11*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 66,70%
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn (*xem thuyết minh V.12*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 46,91 %
- Phải trả ngắn hạn khác (*xem thuyết minh V.15*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 0%
- Phải trả dài hạn khác (*xem thuyết minh V.18*) với tỷ lệ nhận được thư xác nhận là 0%

Các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa cung cấp đủ bằng chứng cho các khoản công nợ nêu trên. Vì vậy, Chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để xác định quyền và nghĩa vụ của các khoản công nợ nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của Chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính rằng, Báo cáo kiểm toán này - Số 143.02.18/AS ngày 2 tháng 4 năm 2018 phát hành thay thế Báo cáo kiểm toán đã phát hành số 057.02.18/AS ngày 9 tháng 2 năm 2018 về Báo cáo tài chính của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2018

**Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán AS**



**Võ Thị Ngọc Tiên**

**Phó Giám Đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2121-2018-018-1

**Phan Thị Minh Anh**

**Kiểm Toán Viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3603-2016-018-1

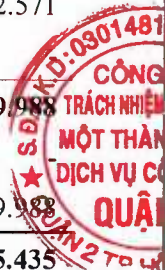
**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>565.979.098.091</b>	<b>628.677.112.040</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	344.736.033.660	250.320.066.683
Tiền	111		344.736.033.660	250.320.066.683
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.445.154.462</b>	<b>147.396.702.798</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	56.346.191.713	87.752.191.484
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	23.362.334.928	28.390.202.291
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	25.736.627.821	31.486.275.845
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(231.966.822)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>115.446.269.542</b>	<b>230.353.222.571</b>
Hàng tồn kho	141		115.446.269.542	230.353.222.571
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>351.640.427</b>	<b>607.119.988</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	351.640.427	607.119.988
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>408.398.289.186</b>	<b>341.414.725.435</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>39.574.229.462</b>	<b>24.487.279.776</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	39.574.229.462	24.487.279.776
- Nguyên giá	222		61.991.602.658	44.921.355.404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.417.373.196)	(20.434.075.628)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.09</b>	<b>24.101.418.121</b>	<b>25.364.359.591</b>
- Nguyên giá	231		46.865.504.175	46.865.504.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.764.086.054)	(21.501.144.584)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>325.108.335.368</b>	<b>272.422.180.481</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		268.473.794.178	212.698.372.344
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56.634.541.190	59.723.808.137
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.560.000.000</b>	<b>7.560.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	7.560.000.000	7.560.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.054.306.235</b>	<b>11.580.905.587</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.108.816.766	635.416.118
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.945.489.469	10.945.489.469
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>974.377.387.277</b>	<b>970.091.837.475</b>





CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>774.226.332.653</b>	<b>775.745.983.033</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>168.720.520.515</b>	<b>533.837.102.510</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.653.686.365	8.520.191.459
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	58.525.464.235	29.513.417.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	18.854.394.436	24.179.382.162
Phải trả người lao động	314		5.562.047.058	5.485.999.370
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	34.666.463.866	396.247.014.938
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	31.689.359.299	54.217.381.420
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.769.105.256	15.673.715.315
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>605.505.812.138</b>	<b>241.908.880.523</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	540.849.298.463	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	6.395.410.198	31.415.912.333
Phải trả dài hạn khác	337	V.18	55.383.792.250	208.461.514.800
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		2.877.311.227	2.031.453.390
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>200.151.054.624</b>	<b>194.345.854.442</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>111.431.416.661</b>	<b>104.377.185.788</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.905.000.000	99.905.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.634.071.938	6.766.023.277
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.107.655.277)	(2.293.837.489)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.107.655.277)	(2.293.837.489)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>88.719.637.963</b>	<b>89.968.668.654</b>
Nguồn kinh phí	431	V.19	69.090.881.982	70.339.912.673
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		19.628.755.981	19.628.755.981
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>974.377.387.277</b>	<b>970.091.837.475</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Kế toán trưởng

*Châu Thị Diễm*

**Châu Thị Diễm**

Giám đốc



*Nguyễn Thị Thu Hằng*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.01</b>	<b>260.387.913.930</b>	<b>316.306.288.263</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>260.387.913.930</b>	<b>316.306.288.263</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.02	228.678.608.800	277.032.046.332
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>31.709.305.130</b>	<b>39.274.241.931</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	12.005.755.761	6.155.178.934
Chi phí tài chính	22		-	36.363.636
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	26.628.478.068	20.384.374.896
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17.086.582.823</b>	<b>25.008.682.333</b>
Thu nhập khác	31	VI.05	11.742.273.263	2.055.548.986
Chi phí khác	32	VI.06	1.479.452.689	202.878.484
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>10.262.820.574</b>	<b>1.852.670.502</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>27.349.403.397</b>	<b>26.861.352.835</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.07	4.378.472.359	5.333.552.817
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>22.970.931.038</b>	<b>21.527.800.018</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Kế toán trưởng *[Signature]*

Giám đốc

*[Signature]*



**Châu Thị Diễm**

*Nguyễn Thị Thu Hằng*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	302.315.703.476	303.081.372.185
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(111.587.931.002)	(119.842.626.200)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(44.616.527.235)	(38.721.585.232)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.065.281.858)	(10.072.121.748)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	192.177.861.328	185.392.608.656
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(234.675.710.924)	(238.689.539.216)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>100.548.113.785</b>	<b>81.148.108.445</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(18.609.895.080)	(31.646.898.953)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	472.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.423.300.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.005.748.272	6.155.147.329
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.132.146.808)</b>	<b>(20.068.451.624)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>94.415.966.977</b>	<b>61.079.656.821</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>250.320.066.683</b>	<b>189.240.409.862</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.01 344.736.033.660</b>	<b>250.320.066.683</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

**Châu Thị Diễm**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Thị Thu Hằng**

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn MTV Dịch Vụ Công Ích Quận 2 được nêu từ trang 6 đến trang 09. Bản thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

**I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01 . Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH Một Thành Viên

**02 . Lĩnh vực kinh doanh:** Hoạt động công ích, Xây dựng, Kinh doanh bất động sản, Dịch vụ khác

**03 . Ngành nghề kinh doanh**

- Hoạt động công ích: quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị theo phân cấp (CTGT, CTCC, CTĐT).
- Quản lý, cho thuê bảo dưỡng và nâng cấp nhà thuộc sở hữu nhà nước giao quận quản lý.
- Hoạt động kinh doanh khác: Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp. Thi công công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, đô thị theo HĐKT với khách hàng (sau khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện KD theo quy định).
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán hoặc cho thuê; đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng để chuyển quyền sử dụng đất.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng. Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, theo quy hoạch xây dựng để chuyển quyền sử dụng đất.
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng.
- Quản lý khai thác chợ.
- Thi công công trình điện chiếu sáng, công trình cấp thoát nước.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh tại trụ sở công ty). Kinh doanh nhà ở.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).
- Khai thác, xử lý, mua bán nước sinh hoạt. Phân phối kinh doanh nước sạch.
- Dịch vụ trông giữ xe các loại. Vệ sinh khai thông cống rãnh, bồn nước.
- Xử lý chất thải lỏng công nghiệp, nước thải sinh hoạt. Thu gom, phân loại, đóng gói, vận chuyển rác thải (sinh hoạt, công nghiệp, y tế).
- Hoạt động xử lý rác thải rắn (không hoạt động tại trụ sở công ty).
- Trồng hoa, cây cảnh. Trồng và chăm sóc cây xanh đường phố. Mua bán hoa và cây cảnh.

**04 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Không có.

**05 . Công bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày có thể so sánh giữa các kỳ và phù hợp với hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

**II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01 . Kỳ kế toán năm**

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01 . Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ban hành ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp; các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài chính.

**02 . Công bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

**IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời gian đáo hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**02 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác*

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

**03 . Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

**04 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

**05 . Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài Chính cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
Dụng cụ quản lý	04 - 07 năm

(\*) Riêng nguồn nhà thuộc sở hữu Nhà nước với mức trích khấu hao bằng 60% trên doanh thu cho thuê nhà, theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/TC-TT ngày 10 tháng 02 năm 1993 của Bộ Tài Chính về việc tính và thu nộp khấu hao cơ bản với nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước cho thuê.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**06 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.

*Chi phí xây dựng cơ bản các công trình*

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, và phí lãi vay (nếu có) ... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

**07 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư (nếu có).

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 10 năm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**08 . Chi phí trả trước**

*Chi phí trả trước ngắn hạn khác*

Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới 1 năm. Các chi phí nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 12 tháng.

*Chi phí trả trước dài hạn khác*

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí nêu trên được phân bổ dần vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng nhưng tối đa không quá 3 năm.

**09 . Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo đối tượng, loại nguyên tệ phải trả, kỳ hạn phải trả và được phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn khi trình bày trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**10 . Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí còn phải đầu tư theo tổng mức đầu tư các dự án, công trình đang thực hiện.

**11 .Vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Do Ngân sách Nhà nước cấp và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư.
- Vốn khác: Hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

**12 .Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất (%) được sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

**13 .Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Đối với doanh thu hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng: Ghi nhận theo kế hoạch công ty đề ra.

Đối với doanh thu các hoạt động khác: Ghi nhận doanh thu sau khi dịch vụ đã được hoàn thành và xuất hóa đơn cho người mua.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

**14 .Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

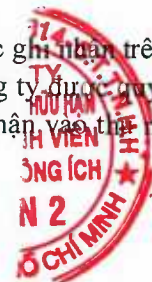
Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

**15 .Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.





**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền mặt</b>	<b>1.001.732.395</b>	<b>98.440.332</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>343.734.301.265</b>	<b>250.221.626.351</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	334.929.626.541	228.466.233.769
<i>Tài khoản VND - CN Đông Sài Gòn</i>	88.906.408.381	91.045.031.917
<i>Tài khoản VND - CN TP. HCM</i>	246.023.218.160	137.421.201.852
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - TP. Hồ Chí Minh	3.591.931.936	96.748.979
<i>Tài khoản VND - Chi nhánh 9</i>	102.910.564	96.748.979
<i>Tài khoản VND - Chi nhánh Thủ Thiêm</i>	3.489.021.372	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.602.975.510	4.214.835.120
<i>Tài khoản VND</i>	2.602.975.510	4.214.835.120
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - CN Thái Bình	805.919.656	782.564.640
<i>Tài khoản VND</i>	805.919.656	782.564.640
Ngân hàng Quốc tế - Vibank	858.042.021	9.332.493.884
<i>Tài khoản VND</i>	858.042.021	9.332.493.884
Kho bạc nhà nước	945.805.601	7.328.749.959
<i>Kho bạc nhà nước Q.2</i>	556.581.601	10.205.601
<i>Kho bạc nhà nước thành phố</i>	389.224.000	7.318.544.358
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>344.736.033.660</b>	<b>250.320.066.683</b>

**02. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số đầu kỳ		Số cuối kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đầu tư Thủ Thiêm	2.268.000	7.560.000.000	2.268.000	7.560.000.000
<b>Cộng</b>		<b>7.560.000.000</b>		<b>7.560.000.000</b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**03 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động Công ích	42.306.966.977	60.637.803.498
Hoạt động xây lắp	7.724.458.820	13.036.807.631
Hoạt động kinh doanh bất động sản	4.814.402.186	11.678.239.475
Hoạt động kinh doanh vật tư	802.145.280	1.461.330.373
Hoạt động thiết kế	-	81.341.857
Hoạt động cho thuê bất động sản	625.997.500	675.911.000
Hoạt động xử lý nước thải	10.451.000	72.334.500
Hoạt động khác	61.769.950	108.423.150
<b>Cộng</b>	<b>56.346.191.713</b>	<b>87.752.191.484</b>
Tổng công nợ đã nhận được thư xác nhận	49.614.267.293	
Tỷ lệ công nợ đã nhận được thư xác nhận	88,05%	

**04 . Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các dự án	2.001.449.507	2.001.449.507
Nhà cung cấp ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty	17.632.924.560	23.806.982.420
Công nợ XN Công trình Công Cộng	213.718.000	238.210.000
Công nợ XN Quản Lý Nhà và Chợ	-	9.002.400
Công nợ XN Xây Dựng	3.514.242.861	2.334.557.964
<b>Cộng</b>	<b>23.362.334.928</b>	<b>28.390.202.291</b>
Tổng công nợ đã nhận được thư xác nhận	10.095.424.161	
Tỷ lệ công nợ đã nhận được thư xác nhận	43,21%	

**05 . Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tạm ứng</b>	<b>10.767.015.817</b>	<b>13.819.664.807</b>
<b>Ký quỹ, ký cược</b>	<b>3.109.995.112</b>	<b>2.835.299.662</b>
<b>Phải thu về cổ phần hoá</b>	<b>264.052.000</b>	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>11.595.564.892</b>	<b>14.831.311.376</b>
TĐC 131ha An Phú - An Khánh	393.303.370	542.133.370
TĐC 137ha cầu Nam Lý	50.280.711	65.810.711
TĐC 14 nền dẫy 22m	50.769.314	68.450.214
Tiền đền bù Dự án 17.3ha	-	57.019.000
HTKT KN ở TĐC số 3 khu 30ha Nam Rạch Chiềc	-	100.747.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

<b>Phải thu khác (tiếp theo)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Đầu tư xây dựng An Thịnh	440.726.000	-
Bảo hiểm	7.939.884	52.782.308
Cường chế phá dỡ CT XD vi phạm trật tự	103.125.000	-
Các dự án hoặc Công trình không thực hiện	42.593.633	52.190.906
Khách hàng khác	40.588.700	110.973.182
Công ty CP Thiết kế và Xây Dựng Lĩnh Nam	320.000.000	-
Công ty TNHH Tâm An	56.551.341	56.551.341
Khu tạm cư 1 Ha Thủ Thiêm	194.048.961	515.659.180
TĐC khu dân cư số 1-143ha, TML	2.225.383.553	3.159.199.953
Khu tái định cư 17.3ha	1.571.562.558	2.146.108.609
TĐC khu dân cư 174 ha Phú Nhuận	136.746.969	181.781.578
Khu tái định cư 50ha Cát lái, Phường Cát Lái	5.430.458.396	5.974.325.793
Các dự án	338.112.711	1.611.070.883
Bảo hiểm xã hội	13.021.251	14.523.578
Khác	180.352.540	121.983.770
<b>Cộng</b>	<b>25.736.627.821</b>	<b>31.486.275.845</b>
Tổng công nợ đã nhận được thư xác nhận	10.095.424.161	
Tỷ lệ công nợ đã nhận được thư xác nhận	39,23%	

**06 . Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	153.344.130	153.344.130
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	87.938.272.291	179.281.698.416
Hàng hoá	27.354.653.121	50.918.180.025
<b>Cộng</b>	<b>115.446.269.542</b>	<b>230.353.222.571</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>115.446.269.542</b>	<b>230.353.222.571</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hoạt động công ích	16.421.412.068	6.125.349.375
Hoạt động xây lắp	12.310.331.985	31.037.956.872
Hoạt động kinh doanh bất động sản	59.206.528.238	52.911.637.097
Hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng	-	89.206.755.072
<b>Cộng</b>	<b>87.938.272.291</b>	<b>179.281.698.416</b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**Hàng tồn kho (tiếp theo)**

**Chi tiết hàng hóa**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa - vật tư	83.875.862	83.875.862
Chợ tạm Thạnh Mỹ Lợi	94.416.667	103.000.000
Cây Xanh Đại Quang Minh	469.067.410	469.067.410
2 căn hộ TĐC Chung cư Bình Trưng Đông	-	189.000.000
17 Căn hộ cao ốc Thịnh Vượng	-	16.546.212.182
13 căn hộ Thủ Thiêm Star và Thủ Thiêm Xanh	26.707.293.182	33.527.024.571
<b>Cộng</b>	<b>27.354.653.121</b>	<b>50.918.180.025</b>

**07 . Tài sản dở dang dài hạn**

**Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động công ích	1.029.053.978	2.520.435.723
Hoạt động san lấp tái lập mặt đường	221.771.589	221.771.589
Hoạt động xây lắp	19.130.379.860	10.978.984.920
Hoạt động kinh doanh bất động sản	174.562.364.951	198.126.103.012
Hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng	73.530.223.800	851.077.100
<b>Cộng</b>	<b>268.473.794.178</b>	<b>212.698.372.344</b>

**Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án vòng xoay chân cầu Sài Gòn	144.665.504	141.665.504
Khu tái định cư 1ha Thủ Thiêm	25.714.506.737	26.475.232.787
Dự án xây dựng tuyến đường liên tỉnh lộ 25	148.357.746	148.357.746
Chợ Bình Khánh	3.108.326.274	3.000.380.274
Đường vào khu tái định cư 17.3ha	1.033.943.162	1.033.943.162
Nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc - Thị Nghè	2.288.127.665	18.203.736.485
Hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tái định cư số 3 khu 30ha Nam Rạch Chiểu	-	8.729.450.817
Trạm ép rác kín P.TML	23.119.930.749	694.211.729
Công trình khác	1.076.683.353	1.296.829.683
<b>Cộng</b>	<b>56.634.541.190</b>	<b>59.723.808.137</b>

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**08 . Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>44.921.355.404</b>	<b>19.834.257.150</b>	<b>2.764.009.896</b>	<b>61.991.602.658</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.986.974.850	7.402.510.000	-	13.389.484.850
Máy móc thiết bị	749.282.063	-	80.325.200	668.956.863
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	37.381.462.403	12.115.010.786	2.562.269.285	46.934.203.904
Dụng cụ quản lý	803.636.088	316.736.364	121.415.411	998.957.041
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>20.434.075.628</b>	<b>4.702.557.830</b>	<b>2.719.260.262</b>	<b>22.417.373.196</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.934.806.876	644.422.887	-	3.579.229.763
Máy móc thiết bị	398.014.448	104.229.492	80.325.200	421.918.740
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.741.384.726	3.806.440.043	2.523.396.247	18.024.428.522
Dụng cụ quản lý	359.869.578	147.465.408	115.538.815	391.796.171
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>24.487.279.776</b>			<b>39.574.229.462</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.052.167.974			9.810.255.087
Máy móc thiết bị	351.267.615			247.038.123
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.640.077.677			28.909.775.382
Dụng cụ quản lý	443.766.510			607.160.870

**09 . Bất động sản đầu tư**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>	<b>46.865.504.175</b>	-	-	<b>46.865.504.175</b>
Quyền sử dụng đất	46.865.504.175	-	-	46.865.504.175
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>21.501.144.584</b>	<b>1.262.941.470</b>	-	<b>22.764.086.054</b>
Quyền sử dụng đất	21.501.144.584	1.262.941.470	-	22.764.086.054
<b>Giá trị hao mòn</b>	<b>25.364.359.591</b>			<b>24.101.418.121</b>
Quyền sử dụng đất	25.364.359.591			24.101.418.121

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**10 . Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Sửa chữa văn phòng Công ty	-	627.816.000
Hệ thống PCCC nhà xưởng số 2	597.575.756	-
Chi phí sửa chữa xe PCCC	118.233.000	-
Nhà lồng chợ tạm	216.353.500	-
Chi phí sửa chữa xe đào	166.000.000	-
Chi phí chờ phân bổ khác	10.654.510	7.600.118
<b>Cộng</b>	<b>1.108.816.766</b>	<b>635.416.118</b>

**11 . Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xí nghiệp công trình công cộng	79.548.750	82.581.595
Các công trình	-	156.925.459
Các Dự án	162.347.659	162.347.659
Nhà cung cấp ký HĐ trực tiếp với Công ty	10.299.042.016	7.440.999.243
Các nhà cung cấp khác	66.913.209	77.470.209
Xí nghiệp QL Nhà và Chợ	11.915.000	15.628.150
Xí nghiệp Xây Dựng	2.033.919.731	584.239.144
<b>Cộng</b>	<b>12.653.686.365</b>	<b>8.520.191.459</b>
Tổng công nợ đã nhận được thư xác nhận	8.439.552.277	
Tỷ lệ công nợ đã nhận được thư xác nhận	66,70%	

**12 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động công ích	3.090.712.000	230.295.375
Hoạt động xây lắp	7.400.824.007	6.030.372.570
Hoạt động kinh doanh bất động sản	32.875.781.558	8.435.923.105
Hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng	11.403.715.536	11.736.267.271
Hoạt động kinh doanh vật tư	3.547.177.560	2.812.323.511
Hoạt động thiết kế	177.000.000	177.000.000
Hoạt động khác	24.853.574	91.236.014
Hoạt động cho thuê bất động sản	5.400.000	-
<b>Cộng</b>	<b>58.525.464.235</b>	<b>29.513.417.846</b>
Tổng công nợ đã nhận được thư xác nhận	27.451.614.749	
Tỷ lệ công nợ đã nhận được thư xác nhận	46,91%	

**13 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT cung cấp dịch vụ trong nước	6.160.589.463	12.956.733.174	16.998.960.585	2.118.362.052
Thuế TNDN	1.054.478.169	4.548.366.555	3.065.281.858	2.537.562.866
(*) Thuế thu nhập cá nhân	(607.119.988)	320.511.237	65.031.676	(351.640.427)
Thuế khác	16.964.314.530	10.661.008.033	13.426.853.045	14.198.469.518
<b>Cộng</b>	<b>23.572.262.174</b>	<b>28.486.618.999</b>	<b>33.556.127.164</b>	<b>18.502.754.009</b>

(\*) Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa được trình bày ở chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước"

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

Trong nước : 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.12

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan Thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về Thuế đối với nhiều loại chi phí khác nhau có thể được giải trình theo nhiều cách khác nhau, số Thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**14 . Chi phí phải trả**

<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bãi 2ha KCN - phần mở rộng	-	486.694.800
Khu 4ha CBCNV	14.905.227.629	4.500.000.000
Chợ Thảo Điền	2.737.169.091	-
CT đường chui dưới dạp cầu Mỹ Thủy	2.081.896.567	3.894.452.550
Cải tạo đường 11 P.Cát Lái	-	92.565.727
Đường vào Trung tâm xã Châu Bình	-	986.422.132
Lát gạch vỉa hè dọc tuyến kênh TH-LGồm	112.628.332	112.628.332
Đầu tư XDCT nhà máy điện gió T.Bạc Liêu	318.884.011	329.884.011
Hoạt động thu gom rác công cộng	-	4.703.097.085
Sửa chữa Viện kiểm sát Nhân Dân Quận 2	133.388.007	-
Khu dân cư số 1 P.TML, Quận 2	-	353.479.354.001
HTKT và tường rào trung tâm HCQ2	421.712.181	423.682.953
Dự án KDC TTYT Q2	10.675.332.090	21.784.386.473
Văn phòng Công ty	2.286.985.860	4.080.000.776
Xây dựng công viên khu vực 2 bên cầu SG	993.240.098	993.240.098
<b>Cộng</b>	<b>34.666.463.866</b>	<b>396.247.014.938</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Khu dân cư số 1 P.TML, Quận 2	540.849.298.463	-
<b>Cộng</b>	<b>540.849.298.463</b>	<b>-</b>

**15 . Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công Đoàn	347.267.571	338.232.885
Các Dự án	20.077.084.588	44.698.681.991
Đội công trình	1.652.994.574	1.892.743.269
Phải trả phải nộp khác	9.612.012.566	7.287.723.275
<b>Cộng</b>	<b>31.689.359.299</b>	<b>54.217.381.420</b>



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

**16 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	8.016.683.598	2.200.150.000	6.944.633.334	3.272.200.264
Quỹ phúc lợi	7.063.713.395	9.990.386.535	14.023.763.260	3.030.336.670
Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành Công ty	593.318.322	248.250.000	375.000.000	466.568.322
<b>Cộng</b>	<b>15.673.715.315</b>	<b>12.438.786.535</b>	<b>21.343.396.594</b>	<b>6.769.105.256</b>

**17 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất KCN Cát Lái GD2, tiền đền bù GPMB 16/10/2013	-	583.941.590
Khu công nghiệp Cát Lái GD 2	-	8.047.825.164
Công ty Kỹ Nguyên Xanh	4.158.814.936	4.587.558.743
Khu dân cư số 1	-	18.196.586.836
Chung cư 17.3ha lô CD	731.778.266	-
Chung cư 17.3ha CD - lô AC	202.620.570	-
Chung cư Đức Khải	1.302.196.426	-
<b>Cộng</b>	<b>6.395.410.198</b>	<b>31.415.912.333</b>

**18 . Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê bãi đúc cọc	15.000.000	82.830.000
Đặt cọc thuê bãi xe	11.745.000	11.745.000
Đặt cọc thuê bãi đậu xe	-	19.200.000
Đặt cọc thuê bãi số 3 khu A	48.000.000	48.000.000
Đặt cọc thuê bãi số 3 khu B	-	45.000.000
Đặt cọc thuê bãi số 7	34.500.000	34.500.000
Đặt cọc thuê bãi số 6	27.600.000	27.600.000
Đặt cọc thuê bãi số 8	47.400.000	47.400.000
Đặt cọc chung cư B27 (thuê bãi xe + MB)	730.412.000	718.776.000
Đặt cọc thuê MB - Kỹ Nguyên Xanh	34.295.800	34.295.800
Thu ký quỹ thi công ép cọc Khu số 1	492.000.000	452.000.000
Thu ký quỹ thi công ép cọc Khu số 4ha	80.000.000	30.000.000
Thu ký quỹ thi công ép cọc Khu số 50ha	800.000	800.000
Đặt cọc khoán nhà vệ sinh chợ Bình Khánh	10.000.000	10.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

*Đơn vị tính: VND*

<b>Phải trả dài hạn khác (tiếp theo)</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đặt cọc bãi xe chợ Bình Khánh – Lê Gia	21.300.000	21.300.000
Đặt cọc thuê bến bãi	582.325.500	584.680.000
Ký quỹ vào DA đầu tư Khu 2-3-4	52.019.317.950	204.555.900.000
Công trình xây mới mạng ngoại vi trạm An Phú	7.200.000	7.200.000
Đặt cọc bãi xe chung cư lô J – Nam Sơn	119.500.000	119.500.000
Đặt cọc bãi xe chung cư lô N – Uy Dũng	109.000.000	109.000.000
Đặt cọc thuê MB CC lô N	7.500.000	7.500.000
Đặt cọc thuê nhà xưởng 1	-	630.288.000
Đặt cọc thuê nhà xưởng 3A	180.000.000	180.000.000
Đặt cọc thuê nhà xưởng 3B	684.000.000	684.000.000
Công ty Minh Thao - bãi xe CC TML	23.000.000	-
Thu ký quỹ - Công ty Phương Nam	39.500.000	-
Công ty Smart Green (nhà lồng chợ tạm)	49.896.000	-
Các khoản ký quỹ, đặt cọc khác	9.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>55.383.792.250</b>	<b>208.461.514.800</b>

**19 . Vốn chủ sở hữu**

**a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh	99.905.000.000	99.905.000.000
<b>Cộng</b>	<b>99.905.000.000</b>	<b>99.905.000.000</b>

**b) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	<b>Năm nay</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	(2.293.837.489)
Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	22.970.931.038
Các khoản làm tăng lợi nhuận chưa phân phối	-
Các khoản làm giảm lợi nhuận chưa phân phối	22.784.748.826
<i>Nộp lợi nhuận về kho bạc nhà nước</i>	-
<i>Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước</i>	(108.746.712)
<i>Phải nộp ngân sách nhà nước</i>	5.046.446.877
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	10.979.000.000
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	6.868.048.661
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	(2.107.655.277)

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

*Đơn vị tính: VND*

**c) Nguồn kinh phí**

	Năm nay	Năm trước
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	70.339.912.673	36.531.100.472
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	28.368.368.253	456.962.139.001
Chi sự nghiệp trong năm	(29.376.028.597)	(423.013.654.582)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>69.332.252.329</b>	<b>70.479.584.891</b>
Chi sự nghiệp còn lại cuối năm	(241.370.347)	(139.672.218)
<b>Nguồn kinh phí</b>	<b>69.090.881.982</b>	<b>70.339.912.673</b>

**Chi tiết nguồn kinh phí**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bán nền nhà 17,3 ha	9.000.000	9.000.000
Khu tái định cư 1ha Thủ Thiêm	29.121.093.913	29.121.093.913
Dự án xây dựng tuyến đường liên tỉnh lộ 25	294.274.554	294.274.554
Chợ Bình Khánh	3.686.779.000	-
Chợ Tạm Thành Mỹ Lợi	483.910.000	483.910.000
Chợ Thạnh Mỹ Lợi	-	5.768.640.510
Khu CNCL giai đoạn II	3.056.609.000	3.056.609.000
Công trình phụ chợ TML	-	1.668.000
Công viên khu trung tâm 6.4ha- P. TML	130.190.000	123.900.000
XDM công viên cây xanh khu DC Bình Trưng Đông	27.934.364	27.934.364
Dự án vòng xoay chân cầu Sài Gòn	1.417.828.543	-
Xây dựng công viên phía Nam Xa Lộ Hà Nội	71.012.000	291.482.000
Đường vào khu tạm cư Thủ Thiêm 1ha	173.376.028	173.376.028
Đường vào Khu TĐC 17.3ha	1.066.112.091	1.066.112.091
Trạm ép rác kín P.TML	20.063.254.797	4.628.466.305
Nhà sở hữu nhà nước	333.582.823	283.015.291
NM xử lý nước thải Nhiêu Lộc-Thị Nghè	9.356.186.216	25.130.895.410
Phòng chiếu phim 3D nhà thiếu nhi Quận 2	13.741.000	13.741.000
Khu tái định cư 17.3ha	-	(21.901.575)
Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	27.368.000	27.368.000
<b>Cộng</b>	<b>69.332.252.329</b>	<b>70.479.584.891</b>

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động công ích	100.724.252.362	106.333.241.227
Doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng	28.835.401.790	12.345.852.379
Doanh thu hoạt động xây lắp	32.739.846.065	70.345.344.201
Doanh thu kinh doanh bất động sản	77.415.721.458	104.190.759.937
Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản	10.230.836.679	12.166.981.810
Doanh thu kinh doanh vật tư hàng hóa	43.070.039	1.328.482.157
Doanh thu hoạt động xử lý nước thải	3.285.999.283	9.595.626.552
Doanh thu khác	7.112.786.254	-
<b>Cộng</b>	<b>260.387.913.930</b>	<b>316.306.288.263</b>

#### 02. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động công ích	79.993.832.834	99.177.672.823
Giá vốn kinh doanh cơ sở hạ tầng	25.951.861.611	11.111.267.141
Giá vốn hoạt động xây lắp	37.239.123.417	77.259.786.780
Giá vốn kinh doanh bất động sản	77.044.270.399	81.397.856.903
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	1.440.927.512	1.387.226.946
Giá vốn kinh doanh vật tư hàng hóa	40.916.537	1.255.415.638
Giá vốn hoạt động cung cấp nước và xử lý nước thải	1.424.291.512	5.442.820.101
Giá vốn hoạt động khác	5.543.384.978	-
<b>Cộng</b>	<b>228.678.608.800</b>	<b>277.032.046.332</b>

#### 03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.201.755.761	6.155.178.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.804.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>12.005.755.761</b>	<b>6.155.178.934</b>

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 04 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	14.653.210.139	12.795.806.805
Chi phí đồ dùng văn phòng	348.310.455	392.280.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	988.838.253	466.499.577
Thuế, phí và lệ phí	70.705.320	74.965.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.796.096.664	5.183.082.261
Chi phí bằng tiền khác	925.459.400	640.976.291
Chi phí trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ	845.857.837	830.763.490
<b>Cộng</b>	<b>26.628.478.068</b>	<b>20.384.374.896</b>

### 05 . Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý nợ	2.313.203.862	-
Thu nhập khác	9.429.069.401	2.055.548.986
<b>Cộng</b>	<b>11.742.273.263</b>	<b>2.055.548.986</b>

### 06 . Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt vi phạm hành chính	1.212.900.000	-
Chi phí phạt chậm nộp thuế	604.181	-
Chi phí khác	265.948.508	202.878.484
<b>Cộng</b>	<b>1.479.452.689</b>	<b>202.878.484</b>

### 07 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.378.472.359	5.333.552.817
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.378.472.359</b>	<b>5.333.552.817</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01 . Các sai sót điều chỉnh hồi tố**

Công ty cần trừ công nợ của khoản phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước chưa đúng đối tượng và giá trị dẫn đến số dư cuối năm 2016 chưa phù hợp.

Chỉ tiêu tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu trên Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được phản ánh chính xác theo Thông tư 200/2015/TT-BTC ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	81.520.751.799	87.752.191.484
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23.281.978.161	29.513.417.846

Thuyết minh Báo cáo tài chính	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
-------------------------------	-------------------------------------------------------	------------------------

**Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Tỷ suất sinh lời

Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	11,08	20,63
-------------------------------------	-------	-------

**02 . Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Cuối năm	Đầu năm
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	41,91	35,19
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	58,09	64,81
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	79,46	79,97
Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	20,54	20,03
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,26	1,25
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,35	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,67	0,75

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

### 02 . Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	10,50	8,49
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	8,82	6,81
Lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	2,81	2,77
Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2,36	2,22
Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	20,61	20,63

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Kế toán trưởng

*Châu Thị Diễm*

**Châu Thị Diễm**



*Nguyễn Thị Thu Hằng*



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Hoạt động công ích</b>	<b>42.306.966.977</b>	<b>60.637.803.498</b>	
1	Chợ Thanh Mỹ Lợi	-	165.320.818	
2	Chăm sóc, bảo quản CVCX 2016 (Gói 7)	254.777.000	519.071.000	
3	Chăm sóc cây xanh	782.845.000	8.328.286.643	
4	Chăm sóc cây xanh công ích - Phòng quản lý đô thị	5.281.144.916	-	
5	Chăm sóc cây xanh Đại lộ Đông Tây Quận 2	1.720.059.441	1.701.036.999	
6	Chăm sóc cây xanh CV khu nhà ở Văn Minh	629.999.999	629.999.999	
7	Hoạt động duy tu	3.602.313.447	3.275.154.817	
8	Duy tu bảo quản các công viên và cây xanh	441.970.000	1.506.372.000	
9	Phải thu mặt bằng đất công	71.535.541	71.535.541	
10	Nhà sở hữu nhà nước	412.972.992	412.972.992	
11	Nạo vét mương cống	6.305.731.803	19.676.428.466	
12	Hoạt động thu gom rác công cộng	9.773.270.164	16.370.118.576	
13	Hoạt động thu gom rác dân lập	2.107.035.993	2.538.936.461	
14	Vận chuyển rác	10.292.823.481	5.442.569.186	
15	Vớt rác khơi thông dòng chảy	630.487.200	-	
<b>B</b>	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>7.724.458.820</b>	<b>13.036.807.631</b>	
1	Cải tạo sửa chữa VP ban chỉ huy QS P.CL	310.657.000	-	
2	Bia tường niệm Cầu Rạch Chiếc	42.004.744	42.004.247	
3	SC cải tạo Bệnh viện Quận 2 năm 2012	-	834.845.000	
4	Trụ sở cảng vụ đường thủy nội địa TPHCM	-	1.122.553.036	
5	SC cổng tường rào khu QLGT đô thị số 2	-	80.000.000	
6	Cải tạo sửa chữa trường THCS An Phú	-	1.902.000	
7	Tuyến đường kết nối đạ cầu GOT 2,3	9.833.600	25.253.400	
8	CT đường chui dưới đạ cầu Mỹ Thủy	-	2.293.837.000	
9	Đường nối 2 chùa Đông Hưng và chùa Từ Phong	120.046.000	-	
10	Nâng cấp đường số 5, kp4, phường an phú	-	60.234.000	
11	Đường số 12, P.Cát Lái	-	552.125.000	
12	Đường tạm vào khu Tái định cư 17.3ha	259.982.400	259.982.400	
13	Cải tạo đường 11 P.Cát Lái	-	107.415.000	
14	Đường vào Trung tâm xã Châu Bình	129.744.500	-	
15	Di dời hàng rào BDKP3 P.Cát Lái	52.496.000	-	



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
16	Lắp đặt HTTN đường vào trường MN Cát Lái	23.824.000	-	
17	Nâng cấp HT thoát nước đường Nguyễn Văn Giáp	790.899.000	-	
18	Xây dựng HTTN trạm y tế p. Bình Trưng Đông	3.796.000	-	
19	Lát gạch vỉa hè dọc tuyến kênh TH-LGôm	88.889.712	88.889.712	
20	Nâng cấp đường số 26 P.Cát Lái	-	400.197.999	
21	Nâng cấp Đường số 15 Phường Bình Trưng Tây	221.547.000	221.547.000	
22	Nâng cấp mặt đường và XDHTTN đường 2,3 P.BAn	234.698.000	234.698.000	
23	Nâng cấp đường 27 P.Bình An	757.954.000	-	
24	Mở rộng nâng cấp hẻm 112 đường 42 P.BTĐ	-	38.300.784	
25	Nâng cấp hẻm 162 phường Bình Trưng Đông	-	788.498.000	
26	Nâng cấp mặt đường, XD HTTN hẻm 30 đường TML	-	6.580.000	
27	Công trình nhà phố đường 20 phường Bình An	-	76.405.879	
28	Sửa chữa cầu công tác 1 nhà máy ĐGBL	228.367.000	228.367.000	
29	Đầu tư XDCT nhà máy điện gió T.Bạc Liêu	2.657.745.814	2.657.745.814	
30	Sửa chữa trụ sở BDH khu phố 2,3,4 -P.Bình An	-	60.268.000	
31	Sửa chữa lầu 2 khu C bệnh viện quận 2	-	16.418.000	
32	Sửa chữa chợ Bình Khánh	-	47.400.000	
33	Sửa chữa cải tạo chợ Thủ Thiêm - BQL DA Q.2	-	21.548.310	
34	CT sửa chữa trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	-	20.093.000	
35	Sửa chữa Trường Nguyễn Văn Trỗi	6.402.000	140.848.000	
36	Sửa chữa trụ sở BBT để bố trí Đội CSPCCC	-	43.570.000	
37	Sửa chữa Trạm y tế P.An Phú	-	11.730.000	
38	Thoát nước tổ 5,6,7 KP4, P.An Phú	145.502.000	-	
39	Trồng cây xanh Trung tâm kỹ thuật 3	-	120.971.000	
40	Sửa chữa trường tiểu học An Khánh 2013	-	2.880.000	
41	Mua sắm trang thiết bị VP cho trung tâm HC Q2	116.571.000	116.571.000	
42	Sửa chữa trường TH Thạnh Mỹ Lợi 2013	-	2.937.000	
43	Tường rào Ủy Ban Phường Bình Trưng Đông	-	202.829.000	
44	Xây mới trụ sở BDH khu phố 1 P.Cát Lái	164.033.000	164.033.000	
45	Xây mới nhà tiếp dân - TT Hành Chính Q2	670.636.000	688.674.000	
46	Sửa chữa VPTT vận tải hành khách công cộng	24.721.050	24.721.050	
47	Sửa chữa UBND phường Bình Trưng Tây 2012	-	50.150.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
48	Sửa chữa trường học thành VP Đảng ủy P.BTT	-	314.131.000	
49	Ốp đá Granite bảng hiệu VP TT VTHKCC	2.450.000	-	
50	Xây dựng công viên khu vực 2 bên cầu SG	-	203.995.000	
51	Công tường rào - DA XD TT Hành chính quận 2	533.218.000	533.218.000	
52	Xây mới ban điều hành khu phố 4 P.BTĐ	128.441.000	128.441.000	
<b>C</b>	<b>Hoạt động kinh doanh bất động sản</b>	<b>4.814.402.186</b>	<b>11.678.239.475</b>	
1	Dự án 4ha CBCNV Phường An Phú Q.2			
	Vũ Thị Hiền	891.500.000	891.500.000	
	Nguyễn Phước Hưng	-	898.375.000	
	Vũ Thị Nhung Hai	-	8.000.000	
	Lại Thu Vân	63.400.000	8.100.000	
	Lê Thị Minh Nguyệt	-	41.731.500	
	Võ Thị Hồng	119.800.000	-	
	Nguyễn Thị Hòa	-	277.990.000	
2	Dự án Khu dân cư số 1 P.Thạnh Mỹ Lợi Q.2			
	Bùi Văn Quốc	148.375.000	148.375.000	
	Trần Đức Sơn	50.000.000	-	
	Trần Ái Ý	77.140.000	77.140.000	
	Võ Thị Hương Thùy	276.000.000	276.000.000	
	Lê Thanh Hải -Trần Phúc Dương	-	520.406.000	
	Phan Thanh Bình	287.000.000	287.000.000	
	Trần Ái Yên	250.000.000	250.000.000	
	Lê Đặng Quỳnh Nghi	271.250.000	271.250.000	
	Trần Ái Yên	300.000.000	300.000.000	
	Nguyễn Duy Quỳnh	250.000.000	250.000.000	
	Phan Thị Bích Tiên	250.000.000	250.000.000	
	Cao Văn Khánh	-	232.000.000	
	Cao Văn Khánh	-	232.000.000	
	Trần văn Bình	-	60.000.000	
	Phạm Thị Bé	-	733.560.000	
	Nguyễn Thị Thu Hương	-	390.925.000	
	Nguyễn Thị Thu	-	766.750.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
	Đặng Hoàng Minh	-	652.983.305	
	Nguyễn Văn Phúc	-	637.500.000	
	Đỗ Ngọc Bình	-	66.500.000	
	Vũ Thị Nguyệt	620	265.278.840	
	Vũ Thị Khuyên	-	402.115.710	
	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đại Dương	243.108.064	-	
	Khách hàng khác	-	50.000.620	
3	Khu dân cư số 5, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2			
	Đậu Khánh Thiên - Nguyễn Thị Thu Huyền	11.450.000	11.450.000	
	Lê Văn Khải	237.710.000	237.710.000	
4	Dự án Trung tâm y tế P.Bình Trưng Tây Quận 2			
	Lâm Hồng Lê Phý	-	102.500.000	
	Lê Thị Thảo	38.400.000	38.400.000	
	Ngô Thanh Thúy	94.500.000	94.500.000	
	Trần Hường	45.120.000	45.120.000	
	Nguyễn Thị Thu Nguyễn Phan Hùng	167.332.500	347.332.500	
	Nguyễn Thị Yến	47.332.500	47.332.500	
	Phan Chí Trung	315.075.000	315.075.000	
	Châu Văn Dì	107.075.000	107.075.000	
	Nguyễn Thị Thoi	47.332.500	47.332.500	
	Nguyễn Thị Thoi Nguyễn Thị Thành	47.326.000	47.326.000	
	Lê Thái Nguyên Khang	155.075.000	155.075.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	23.100.000	-	
	Nguyễn Thị Thanh Thảo	-	84.000.000	
	Dương Phi	-	92.500.000	
	Châu Anh Phương	-	92.500.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	-	23.100.000	
	Nguyễn Việt Quân	-	47.332.500	
	Nguyễn Thị Thanh Vân	-	99.832.500	
	Lê Thị Hóa	-	47.332.500	
	Phạm Thị Bạch Tuyết	-	264.740.000	
	Nguyễn Thành Nam	-	37.860.000	
	Đặng Hữu Đồng	-	47.332.500	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
	Chênh lệch số lẻ	2	-	
<b>D</b>	<b>Hoạt động kinh doanh vật tư</b>	<b>802.145.280</b>	<b>1.461.330.373</b>	
1	XN Xây Dựng số 1	734.035.049	-	
2	Công ty TNHH Hoàng Lam	68.110.231	1.461.330.373	
<b>E</b>	<b>Hoạt động thiết kế</b>	<b>-</b>	<b>81.341.857</b>	
1	Doanh thu thiết kế (Chị Hậu)	-	81.341.857	
<b>F</b>	<b>Hoạt động cho thuê bất động sản</b>	<b>625.997.500</b>	<b>675.911.000</b>	
1	Công ty TNHH 3M Việt Nam	-	210.096.000	
2	Công ty Cổ phần ChiLai	243.930.000	-	
3	Công ty TNHH Cơ Khí Hiệp Lực	141.745.000	169.575.000	
4	Công ty CPĐT XD Vận tải Hoàng Trang	52.195.500	74.190.000	
5	Hợp tác xã VT & DV Đông Nam	-	28.800.000	
6	Nguyễn Anh Kiệt (Thuê đỗ xe tại 135 NTĐ)	-	1.500.000	
7	Công ty TNHH MTV Minh Linh	37.350.000	37.350.000	
8	Công ty TNHH Người Vận Chuyển	-	4.400.000	
9	Công ty CP Công nghệ Việt Nam Toàn Cầu	49.896.000	-	
10	Công ty TNHH MTV DV-TM-VT Lê Anh Tuấn	100.881.000	150.000.000	
<b>G</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>61.769.950</b>	<b>108.423.150</b>	
1	Công ty TNHH Công Nghệ Hóa Nhựa Bông Sen	19.531.600	51.649.950	
2	BVCPS Việt Nam	-	29.461.850	
3	Công ty Cổ phần Công Trình Cầu Phà TP.HCM	3.630.550	-	
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển TM Delys	721.050	-	
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	-	14.914.350	
6	Công ty TNHH ĐT - TM - DL Hiệp Phúc	9.955.550	7.653.250	
7	Công ty Cổ phần Ô tô - xe máy Hoa Lâm	6.147.900	-	
8	Công ty CPĐT XD Vận tải Hoàng Trang	8.892.950	-	
9	Công ty TNHH Vận Tải Thủy Bộ Kim Cương	-	1.189.100	
10	Công ty CPĐT & TM Kỹ Nguyên Xanh	50.600	-	
11	Công ty TNHH Thiết bị công nghệ MTC	872.850	-	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
12	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyên Bình	3.162.500	-	
13	Công ty CP XD và KD Nhà Trung Tiến Thịnh	-	3.554.650	
14	Công ty TNHH MTV DV-TM-VT Lê Anh Tuấn	8.804.400	-	
<b>H</b>	<b>Hoạt động xử lý nước thải</b>	<b>10.451.000</b>	<b>72.334.500</b>	
1	BVCPS Việt Nam	-	16.303.000	
2	Công ty CP Đầu tư Phát triển TM Delys	399.000	-	
3	Công ty Cổ phần Ô tô - xe máy Hoa Lâm	3.402.000	-	
4	Công ty CP DT & TM Kỹ Nguyên Xanh	28.000	-	
5	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyên Bình	1.750.000	-	
6	Công ty TNHH SX TM Thanh Luân	-	54.064.500	
7	Công ty CP XD và KD Nhà Trung Tiến Thịnh	-	1.967.000	
8	Công ty TNHH MTV DV-TM-VT Lê Anh Tuấn	4.872.000	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>56.346.191.713</b>	<b>87.752.191.484</b>	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 02 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Hoạt động công ích</b>	<b>3.090.712.000</b>	<b>230.295.375</b>	
1	Chợ Bình Khánh	-	65.942.519	
2	Khu dân cư và TM Phú Mỹ - HM: cảnh quan	3.090.712.000	-	
3	Chăm sóc cây xanh CV Trần Nãi	-	164.352.856	
<b>B</b>	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>7.400.824.007</b>	<b>6.030.372.570</b>	
1	Chợ Bình Khánh	-	4.255.785.000	
2	Phòng Trưng bày City Ford	-	499.217.027	
3	Thi công công viên 6.4ha TML	-	6.290.000	
4	XD đường tạm và cải thiện HTTN DA Thạnh ML	360.367.364	-	
5	HĐ 14A/2010 ngày 04/03/10 SC Ban điều hành KP2	-	74.599.900	
6	Phát quang và san lấp mặt bằng Dự án 53ha	110.456.643	110.456.643	
7	Sửa chữa Trường Mầm Non An Phú	-	277.189.000	
8	XD mới Trụ sở Ban Bồi Thường GPMB Quận 2	6.930.000.000	-	
9	Sửa chữa trụ sở Khu QL GT Đô Thị Số 2	-	806.835.000	
<b>C</b>	<b>Hoạt động kinh doanh bất động sản</b>	<b>32.875.781.558</b>	<b>8.435.923.105</b>	
1	Ngô Thị Lệ Thu	-	200.000.000	
2	Dự án 4ha CBCNV Phường An Phú Q.2			
	Huỳnh Văn Cần	-	7.514.266	
	Vũ Thị Nhung Hai	168.000.000	-	
	Nguyễn Thị Khiên	616.900.000	616.900.000	
	Nguyễn Thị Thu Hà	-	529.540.418	
	Chênh lệch số lẻ	1	-	
3	Dự án khu nhà liền kề dãy 22m mặt tiền ĐVC			
	Nguyen Thi Thanh Huyen	1.074.998.000	-	
	Pham Thi Muoi	536.842.000	-	
	Duong Thi Ai Loan	1.073.392.000	-	
	Le Thi Viet Thu	1.074.000.000	-	
	Dang Van Hieu	1.073.000.000	-	
	Sam Thi Mai Trinh	536.440.000	-	
	Công ty TNHH MM XD KD BDS Cuu Long	536.294.500	-	
	Pham Thi Be	536.294.500	-	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 02 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
	Huynh Huu Phuoc	536.300.000	-	
	Le Thi Ha Phuong	1.072.370.000	-	
	Nguyen Thi Minh Nguyet	1.072.151.000	-	
	Le Thi Minh Hien	1.862.237.000	-	
	Tran Nhat Tien	1.326.381.000	-	
	Công ty TNHH Kiem toan va Ke toan TND	1.072.516.000	-	
	Phan Thi Cam Tuyen	1.071.494.000	-	
	Huynh Thi Ha	1.070.764.000	-	
	Le Thi Kim Hoa	1.071.859.000	-	
	Thai Van Nhan	1.606.912.500	-	
	Cong ty TNHH SXTM Sai Gon Anh Phat	1.222.000.000	-	
	Le Nguyen Quoc Anh	1.326.337.200	-	
	Le Thi Van Anh	1.072.516.000	-	
	Le Van Be	1.075.436.000	-	
	Le Thi Quynh Thu	1.163.497.400	-	
	Nguyen Huu Thuyen	1.073.173.000	-	
	Phan Hai Lam	536.222.000	-	
	Do Thi Mai Huong	1.073.100.000	-	
	Tran Thi My Hanh	1.074.268.000	-	
	Nguyen Trung Quan	1.078.429.000	-	
	Le Thi Kieu Anh	2.138.754.600	-	
4	Dự án Khu dân cư số 1 P.Thạnh Mỹ Lợi Q.2			
	Thái Minh Giao	-	200.000.000	
	Hà Thị Lan	129.000.000	129.000.000	
	Bùi Quốc Huy	-	1.338.000.000	
	Đoàn Vĩnh Trọng	128.441.970	96.441.970	
	Trần Ái Yến	44.400.000	44.400.000	
	Đoàn Hồng Điệp	39.600.000	-	
	Nguyễn Thị Chi Lang	64.200.000	64.200.000	
	Phạm Nguyễn Tùng	63.000.000	63.000.000	
	Công ty Cổ Phần Đại An	129.510.013	129.510.013	
	Nguyễn Văn Thuận	-	200.000.000	
	Đoàn Ngọc Hoàng Kim	-	1.400.000.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 02 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
	Phạm Thị Mười	-	900.000.000	
	Đỗ Hoàng Phong	-	100.000.000	
	Nguyễn Hữu Giá	-	93.737.600	
	Khách hàng khác	8.217	43.883.881	
5	Khu dân cư số 5, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2			
	Nguyễn Văn Tư	300.000.000	300.000.000	
6	Căn hộ Thủ Thiêm Xanh			
	Trần Thị Mỹ Hạnh	73.203.629	152.133.300	
	Phạm Ngọc Tâm Hoan	-	140.883.600	
	Nguyễn Thị Tuyết Hồng	-	314.706.300	
	Nguyễn Yến Nhi	81.539.028	1.002.133.300	
	Lê Ngọc Hạnh	-	164.706.300	
	Lô Minh Võ	-	93.196.620	
	Nguyễn Thị Tâm	-	85.884.000	
7	Dự án Trung tâm y tế P.Bình Trưng Tây Quận 2			
	Nguyễn Thị Bích Thủy	-	22.141.366	
	Tôn Kim Y (UQ: Nguyễn Thị Duy Đức)	-	750.000	
	Trần Minh Mẫn	-	532.800	
	Võ Văn Triệu	-	532.770	
	Ngô Thị Phương Khanh (UQ: Dương Công Trọng)	-	360.070	
	Nguyễn Thị Bền	-	586.079	
	Lê Trần Liên Phụng	-	1.248.452	
<b>D</b>	<b>Hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng</b>	<b>11.403.715.536</b>	<b>11.736.267.271</b>	
1	Công ty TNHH Công nghệ nhựa & TM Bông Sen	250.000.000	250.000.000	
2	Công ty TNHH Cao Dương	125.000.000	125.000.000	
3	Cơ sở Đức Hưng	180.000.000	180.000.000	
4	Công ty TNHH TM & SX Hải Đức	250.000.000	250.000.000	
5	Công ty TNHH Thiết bị giáo dục Hồng Anh	62.500.000	62.500.000	
6	Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	250.000.000	250.000.000	
7	Công ty T.A.T	216.000.000	216.000.000	
8	Công ty TNHH SX - TM Tiến Lộc	-	180.000.000	
9	DNTN Việt Huy	62.500.000	62.500.000	



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****PHỤ LỤC 02 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
10	Công ty TNHH MTV ĐTPPT Nguyễn Kim CL	204.559.855	-	
11	Công ty TNHH Vinh Phát	3.827.550.000	3.827.550.000	
12	Công ty Cổ phần Dược Mỹ Phẩm MAY	323.923.600	323.923.600	
13	Công ty TNHH ADC	237.323.488	237.323.487	
14	Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9	197.932.134	197.932.134	
15	Công ty Cổ phần Dược phẩm 3/2	162.354.192	162.354.192	
16	Công ty CP hóa chất & VLXD Quốc Huy Anh	72.424.352	72.424.352	
17	DNTN SX TM Long Phụng Lân	171.675.504	171.675.504	
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	504.504.000	504.504.000	
19	Duy tu bảo dưỡng- Công ty Thịnh Gia Toàn	240.688.448	364.668.071	
20	Công ty CP Mỹ phẩm Sài Gòn	270.782.512	270.782.512	
21	Công ty TNHH Nghĩa Phú	4.000.000	3.000.000	
22	Công ty TNHH QL&KTTS-NHTMCP Phương Nam	160.160.000	160.160.000	
23	Công ty TNHH CB Thực Phẩm Quang Minh	173.485.312	173.485.312	
24	Công ty TNHH SX TM Thanh Luân	80.160.080	110.320.160	
25	Công ty TNHH SX - TM Tiến Lộc	376.520.144	376.520.144	
26	Công ty TNHH XNK Quốc tế Bình Lộc	216.071.856	216.071.856	
27	Công ty TNHH Bureau Veritas	96.096.000	96.096.000	
28	Công ty Cổ phần C.A.C	47.055.008	47.055.008	
29	Công ty Cổ phần Cát Lợi	642.385.744	642.385.744	
30	Công ty cổ phần ĐTPPT Delys	47.391.344	47.391.344	
31	Công ty TNHH Điện Sao Mai	159.551.392	159.551.392	
32	Công ty TNHH Hiệp Lực	236.452.216	472.904.432	
33	Công ty CP Hoá Chất TP.HCM	156.332.176	156.332.176	
34	Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm	160.384.224	160.384.224	
35	CN Công ty cổ phần Nội thất Hòa Phát	181.060.880	181.060.880	
36	Nguyễn Văn Tín	19.219.200	19.219.200	
37	Công ty TNHH Sài Gòn RDC	10.477.307	41.909.227	
38	Công ty Cổ phần SXKD Sơn Kim	63.999.936	63.999.936	
39	Công ty CP Thực phẩm Sức Khỏe Việt	84.580.496	84.580.496	
40	Công ty Cổ phần Tâm Cảng	80.080.000	40.040.000	
41	Công ty CP Đại lý giao nhận VT Xếp dỡ Tân Cảng	504.504.000	504.504.000	
42	Công ty Cổ phần XD & KD nhà Trung Tiến	133.060.928	266.121.856	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****PHỤ LỤC 02 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
43	Công ty CP Xuân Thịnh	-	4.036.032	
44	Công ty TNHH MTV Tâm Hữu	18.503.700	-	
45	Công ty TNHH TM DV VT Thành Thiệu	24.239.400	-	
46	Công ty CP Tiếp vận Suối Năng	54.162.108	-	
47	Công ty Tân Cảng Hiệp Lực	64.064.000	-	
<b>E</b>	<b>Hoạt động kinh doanh vật tư</b>	<b>3.547.177.560</b>	<b>2.812.323.511</b>	
1	XN Xây Dựng số 1	-	746.361.511	
2	Trồng cây xanh Cty Đại Quang Minh	3.547.177.560	2.065.962.000	
<b>F</b>	<b>Hoạt động thiết kế</b>	<b>177.000.000</b>	<b>177.000.000</b>	
1	XD nhà máy SX linh kiện ô tô (City Ford)	177.000.000	177.000.000	
<b>G</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>24.853.574</b>	<b>91.236.014</b>	
1	Trung tâm KT-TC-ĐL Chất Lượng 3	24.853.574	91.236.014	
<b>H</b>	<b>Hoạt động cho thuê bất động sản</b>	<b>5.400.000</b>	-	
	Công ty CP Công Nghệ Viễn Thông Văn Lang	5.400.000	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.525.464.235</b>	<b>29.513.417.846</b>	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 03 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các công trình</b>	-	<b>156.925.459</b>	
1	Đường vào cảng KCN Cát Lái	-	40.013.505	
2	Sửa chữa Bệnh viện Quận 2	-	87.511.954	
3	Sửa chữa văn phòng UBND Quận 2	-	29.400.000	
<b>B</b>	<b>Các dự án</b>	<b>162.347.659</b>	<b>162.347.659</b>	
1	Dự án Khu biệt thự Thảo Điền	97.550.000	97.550.000	
2	Dự án 4ha CBCNV Phường An Phú Q.2	60.493.750	60.493.750	
3	Khu Dân Cư Bình Trưng Đông	4.303.909	4.303.909	
<b>C</b>	<b>Nhà cung cấp trực tiếp ký hợp đồng với công ty</b>	<b>10.299.042.016</b>	<b>7.440.999.243</b>	
1	Công ty CP ALPHANAM Cơ Điện	-	160.000.000	
2	CN Công ty Thiết Kế & DVXD Thương Mại (CDS)	-	14.478.628	
3	Công ty TNHH Xây Dựng C.L.G	960.100	960.100	
4	Công ty CP Tư vấn Kiến trúc & Xây Dựng TP.HCM	21.752.100	-	
5	Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô Thị TP.HCM	-	18.647.500	
6	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Q.T	4.405.884	4.405.884	
7	Công ty CP TK & XD Đạt Hoàng	16.011.003	16.011.003	
8	Công ty TNHH TVTK và ĐTXD Đình Hoàng	-	76.100.000	
9	Công ty TNHH TV Đầu Tư XD Điện Nam Việt	4.480.018	4.480.018	
10	Ôn áp điện gia dụng Đông A	-	122.531	
11	Công ty TNHH Một Thành viên ĐT PT Thủ Thiêm	-	23.798.904	
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	473.822.669	473.822.669	
13	Công ty TNHH XD TM SX Đồng Vĩnh Tiến	27.539.403	27.539.403	
14	Công ty TNHH TV-TK-XD Kiến Gia Việt	3.228.250	3.228.250	
15	Ban Bồi Thường Giải Phóng Mặt Bằng Quận 2	400.131.272	400.131.272	
16	Công ty TNHH Xây Dựng Hiệp Nguyễn	679.030.550	679.030.550	
17	Công ty CP ĐTPT Nước & Môi Trường Đại Việt	13.627.500	-	
18	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ Tầng Đất Thịnh	71.119.911	-	
19	Công ty CP tư vấn & thẩm định giá Đông Nam Á	-	-	
20	Công ty TNHH Một Thành viên ĐT PT Thủ Thiêm	-	-	
21	Công ty CP công nghệ Thái Bình Dương	15.000.000	15.000.000	
22	Công ty TNHH XD-DV-TM-DL Quang Thắng	-	1.552.400	
23	Công ty TNHH TV TK S.G.A	-	1.326.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 03 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
24	Công ty CP Dv TV ĐT Thái Bình Dương	-	2.438.507	
25	Công ty TNHH Thương Mại -Xây Dựng Thiên Luân	-	2.430.458	
26	Công ty TNHH SX-TM Tân Khải Hoàn	80.074.000	80.074.000	
27	Trung tâm Công Nghệ Môi Trường	-	1	
28	TTTT Ứng Dụng KH ĐC & C.Trình Giao Thông	95.000.000	95.000.000	
29	Công ty TNHH XD Điện -Nước Thiên Việt	5.105.445.012	5.105.445.012	
30	Viện Cơ Học Ứng Dụng	51.654.700	51.654.700	
31	Công ty Cổ phần Xây dựng Khang Thịnh	7.115.700	-	
32	Công ty XNK và Xây Dựng Công Trình	183.321.453	183.321.453	
33	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	49.500.000	-	
34	Công ty Cổ phần Công Trình Cầu Phà TP.HCM	906.622.491	-	
35	Công Ty Cơ Khí Ô Tô Sài Gòn-SAMCO	2.089.200.000	-	
<b>D</b>	<b>Công trình công cộng</b>	<b>79.548.750</b>	<b>82.581.595</b>	
1	Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ Cứu Thiên Long	-	33.000.000	
2	CN CTY TNHH NN MTV KS & XD-TT TN & KĐ XD Miền Nam	4.798.750	4.798.750	
3	Công ty TNHH MTV Lê Quốc Huy.	-	3.782.845	
4	Công ty TNHH MTV Cây xanh cảnh quan Sa Đéc	10.000.000	10.000.000	
5	Cơ Sở Vườn Vuơm cây giống số 1	31.000.000	31.000.000	
6	Cơ sở Hoa Kiêng Đức Hưng	33.750.000	-	
<b>E</b>	<b>Xí nghiệp Xây dựng</b>	<b>2.033.919.731</b>	<b>584.239.144</b>	
1	Công ty CP Xây Dựng C.A VINA	7.664.800	7.664.800	
2	Công ty TNHH Công Chính Vân	97.878.603	-	
3	Công ty TNHH TM Thiết bị PCCC Công Linh	95.222.868	-	
4	Cửa hàng Phát Tài	-	24.140.000	
5	Công ty TNHH Tư Vấn Thiết kế XD Nhà Mơ Ước	9.900.000	70.400.000	
6	Công ty CP Xây dựng Sản Xuất TM DV Cam Ranh	36.935.350	36.935.350	
7	Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP.HCM	-	21.961.263	
8	Công ty TNHH Trang trí Nội thất Nam Long	10.691.983	10.691.983	
9	Công ty TNHH XD TM Vân Anh	242.015.000	-	
10	Công ty TNHH Trang Trí Nội Thất Cường Thịnh	14.003.993	14.003.993	
11	Công ty TNHH Xây Dựng TM Đồng Thuận Phát	-	2.145.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 03 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
12	Công ty TNHH TM DV VLXD Đăng Tuấn	217.718.916	-	
13	Công ty TNHH MTV Nhôm Kính Đức Mẫn	7.630.095	7.630.095	
14	Công ty CP Đầu tư & XD Gia Đình Việt	-	5.600.000	
15	Công ty TNHH TM DV TTNT & Quảng cáo Hào Phát	3.361.000	-	
16	Công ty TNHH TM DV Đông Hưng Phú	11.821.150	-	
17	Công ty TNHH TM-DV Khải Việt	47.948.927	47.948.927	
18	Công ty TNHH Xây Dựng- Thương Mại Lê Thọ	4.336.542	4.336.542	
19	Công ty TNHH XD TM Long Đạt	19.161.400	19.161.400	
20	Công ty TNHH TM-DV Thiết bị PCCC Thanh Niên	40.076.050	40.076.050	
21	Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Tấn Phát	-	1.454.610	
22	Cửa hàng Thanh Hằng	4.947.000		
23	Công ty TNHH ĐT XD Công Trình Thanh Long	45.297.850	-	
24	Công ty Cổ Phần Compact Trung Nam	5.436.039	5.436.039	
25	Công ty TNHH Thuận Thành Hưng	232.581.620	-	
26	Công ty TNHH VLXD và TTNT Hướng Dương	841.792.030	246.053.092	
27	Công ty TNHH MTV SX Thương Mại Tuấn Sơn	28.498.515	-	
28	Công ty TNHH XD Điện -Nước Thiên Việt	9.000.000	9.000.000	
29	Cơ sở cơ khí Văn Tuấn	-	9.600.000	
<b>F</b>	<b>Xí nghiệp QL nhà và chợ</b>	<b>11.915.000</b>	<b>15.628.150</b>	
1	Công ty TNHH Quốc Tế A V	11.915.000	15.628.150	
<b>G</b>	<b>Các nhà cung cấp khác</b>	<b>66.913.209</b>	<b>77.470.209</b>	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	40.420.209	40.420.209	
2	Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Lâm Thành Đô	17.120.000	17.120.000	
3	Công ty TNHH Khảo Sát Thiết Kế Thăng Long	9.373.000	9.373.000	
4	Công ty cổ Phần Thiết kế XD Toàn Thắng	-	10.557.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12.653.686.365</b>	<b>8.520.191.459</b>	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 04 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các dự án</b>	<b>2.001.449.507</b>	<b>2.001.449.507</b>	
1	Khu tái định cư 1ha Thủ Thiêm	1.860.983.073	1.860.983.073	
2	Khu tạm cư 1ha Thủ Thiêm	82.183.000	82.183.000	
3	Dự án Khu trung tâm thương mại An Phú Giang	39.912.510	39.912.510	
4	Dự án Trung tâm y tế P.Bình Trưng Tây Quận 2	18.370.924	18.370.924	
<b>B</b>	<b>Nhà cung cấp trực tiếp ký hợp đồng với công ty</b>	<b>17.632.924.560</b>	<b>23.806.982.420</b>	
1	Công ty TV Thiết Kế & Xây Dựng Tp.HCM	70.162.800	36.915.567	
2	Ban Bồi Thường Giải phóng mặt bằng Quận 2	8.201.092.723	6.868.562.551	
3	TTDV Thẩm định giá & bán đấu giá Tài sản	10.000.000	10.000.000	
4	Công ty Cổ phần Tư vấn kỹ thuật Bảo Minh	76.159.200	76.159.200	
5	Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư XD C.I.C	17.506.094	17.506.094	
6	CN LH HTX TM TP.HCM- Coopmart Đồng Văn Cống	7.479.622	-	
7	Công ty Cổ phần Công Trình Cầu Phà TP.HCM	-	1.910.885.871	
8	Công ty CP Đầu Tư Không Gian	26.000.000	-	
9	Công ty TNHH Quốc Tế A V	-	33.649.000	
10	Công ty TNHH MTV TM DV XD XNK Bình Minh	-	84.631.600	
11	Công ty CP Chứng Khoán ASC	104.800.000	-	
12	Công ty TNHH Những Người Lính	-	86.374.750	
13	Công ty TNHH MTV DV Môi Trường Phú Khánh	23.760.000	-	
14	Công ty CP Thẩm định giá và ĐT SG Thái Dương	10.000.000	10.000.000	
15	Công ty CP Tư vấn XD Điện Lực TP.HCM	-	2.222.436	
16	Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng Đất Thịnh	-	36.821.181	
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Thủ Thiêm	-	111.416.000	
18	Công ty TNHH Một Thành Viên ĐT PT Thủ Thiêm	175.063.997	155.899.997	
19	Công ty TNHH TM DV/10	46.168.933	46.168.933	
20	Ban Bồi Thường Giải Phóng Mặt Bằng Quận 2	178.562.000	1.049.998.457	
21	Công ty CP TV XD và chuyển giao CN Hồng Hà VINA	26.000.000	26.000.000	
22	Công ty Cổ phần Xây dựng Khang Thịnh	367.781.295	143.000.000	
23	Khách hàng khác	40.000.000	40.000.000	
24	Công ty TNHH DV TV Tài chính KT & KT Nam Việt	67.375.000	100.595.500	
25	Công ty TNHH Viễn Thông L.L.P	-	295.800.000	
26	Cơ Sở Dạy Tin Học Lê Văn Sỹ	-	1.000.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 04 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
27	Công ty TV KT XD Minh Thành	-	29.561.600	
28	Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Minh Khoa	-	500.000.000	
29	Công ty TNHH Bảo Hộ LD và Môi Trường Việt Á	223.514.946	-	
30	Công Ty Tư Vấn Xây Dựng Tổng Hợp (NAGECCO)	60.000.000	60.000.000	
31	Công ty TNHH TM Công nghệ TK Phúc An	-	33.737.000	
32	Công ty TNHH Phúc Đạt	107.923.200	17.600.000	
33	Công ty TNHH Một TV- XD & KD Nhà Phú Nhuận	7.000.000.000	7.000.000.000	
34	Phân Viện Kiến Trúc Miền Nam	30.039.250	-	
35	Công ty TNHH XD & TTNT Quốc Huy	400.000.000	400.000.000	
36	Công Ty Cơ Khí Ô Tô Sài Gòn-SAMCO	-	2.019.150.000	
37	Công ty TNHH Công Nghệ Môi Trường & XD Sài Gòn	45.988.500	45.988.500	
38	Công ty TNHH TV TK S.G.A	-	7.101.384	
39	Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD -TM Tâm Việt	-	1.668.000	
40	Công ty TNHH TV - KT và MT Thiên Ân	-	191.004.000	
41	Công ty TNHH Giải Pháp An Ninh Hợp Thống Nhất	172.121.000	172.121.000	
42	Công ty cổ Phần Thiết kế XD Toàn Thắng	-	5.977.269	
43	Công ty CP kỹ thuật Xây Dựng Trường Khang	-	1.854.421.050	
44	Trung tâm Công Nghệ Môi Trường	-	58.500.000	
45	Công ty Cổ phần V.N Mê Kong	100.969.000	100.969.000	
46	Công ty CP Khai thác Khoáng Sản Vạn Đức Long	-	1.923.705	
47	Công ty CPTV, ĐTXD & Ứng Dụng Công Nghệ Mới	-	119.195.775	
48	CN Công ty Tư Vấn TKCN & XD GT	44.457.000	44.457.000	
<b>C</b>	<b>Xí nghiệp Công trình công cộng</b>	<b>213.718.000</b>	<b>238.210.000</b>	
1	Cơ sở SXKD Hoa Kiểng Cây Xanh Đô Thị	7.718.000	7.718.000	
2	CN CTY CP TM và DV Hành Tinh Xanh	-	30.492.000	
3	Doanh nghiệp Tư Nhân Đức Giang	-	200.000.000	
4	Công ty TNHH TM DV Xăng Dầu Đức Giang	200.000.000	-	
5	Công ty TNHH Vạn Gia	6.000.000	-	
<b>D</b>	<b>Xí nghiệp quản lý nhà và chợ</b>	-	<b>9.002.400</b>	
1	Công ty CP Hà Trường Khánh	-	9.002.400	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 04 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>E</b>	<b>Xí nghiệp xây dựng</b>	<b>3.514.242.861</b>	<b>2.334.557.964</b>	
1	Công ty TNHH KT Cơ Sở Hạ tầng Bền Vững	-	63.578.000	
2	Công ty Cổ phần Cấp Nước Thủ Đức	-	297.018.335	
3	Công ty TNHH TM Thiết bị PCCC Công Linh	-	233.250.000	
4	Cơ sở Hoa Kiểng Đức Hưng	192.425.000	158.675.000	
5	Công ty TNHH TM DV ĐT Xây Dựng Thành Công	100.000.000	178.000.000	
6	Công ty CP VIETCEM	-	98.000.000	
7	Công ty Cổ Phần Đầu Tư-Xây Dựng BMT	130.736.631	62.137.376	
8	Công ty TNHH XD Môi trường Xanh	528.675.000	-	
9	Công ty TNHH Hóa Chất XD Khô Nguyên	-	69.212.000	
10	Nhà Máy Bê tông Đức sẵn Hùng Vương	198.752.125	31.158.600	
11	Công ty TNHH MTV Cây xanh cảnh quan Sa Đéc	282.015.693	272.015.693	
12	Công ty TNHH Thiết bị Điện Toàn Gia Phát	-	269.304.000	
13	DNTN SX TM DV Thu Hà	63.235.000	63.235.000	
14	Công ty TNHH Thuận Thành Hưng	-	443.061.960	
15	Công ty CP giải pháp XD Không Gian Xanh	400.231.000	-	
16	TT Nghiên Cứu Công Nghệ &TB Công Nghiệp	28.034.000	-	
17	Công ty TNHH MTV SX Thương Mại Tuấn Sơn	-	95.912.000	
18	Công ty CP Kỹ thuật Đông Phương	62.938.200	-	
19	Công ty TNHH Đại Gia Phúc	230.054.440	-	
20	Công ty TNHH MTV Xd TM TV TK Chấn Quốc	132.814.650	-	
21	Công ty TNHH Vận Tải Thủy Bộ Kim Cương	107.696.700	-	
22	Công ty TNHH XD & lắp đặt Me Đại Thành Công	640.312.000	-	
23	Công ty CP Đầu Tư Ngôi Sao Mê Kông	300.000.000	-	
24	Công ty CP Thiết bị An toàn PCCC Thịnh Phát	104.329.000	-	
25	Công ty TNHH SX TM Phan Long	11.993.422	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>23.362.334.928</b>	<b>28.390.202.291</b>	



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 05 - CHI TIẾT CÔNG TRÌNH DỒ DANG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Hoạt động công ích</b>	<b>17.450.466.046</b>	<b>8.645.785.098</b>	
1	Chợ tạm Thạnh Mỹ Lợi	1.029.053.978	1.015.417.614	
2	Khu dân cư & TM Phú Mỹ- HM: Cảnh quan	56.737.727	-	
3	Chăm sóc cây xanh	1.814.229.811	-	
4	Chăm sóc cây xanh via hệ trụ sở PCCC KCNCL2	-	184.000.000	
5	Chăm sóc cây xanh khu 4 ha	-	190.717.843	
6	Chăm sóc cây xanh CV khu nhà ở Văn Minh	-	213.401.639	
7	Duy tu hệ thống thoát nước	671.835.666	6.078.608.616	
8	Trạm XL ép rác kín P.BTT	-	46.740.759	
9	Trạm ép rác kín Thạnh Mỹ Lợi	65.307.364	-	
10	Xây dựng mái che kios chợ thảo Điền	176.657.476	-	
11	Nạo vét HTTN chợ Bình Khánh	2.881.000	-	
12	Quét rác Đại Lộ Đông Tây Quận 2	-	604.554.884	
13	Hoạt động thu gom rác công cộng	2.360.446.678	-	
14	Sửa chữa trạm ép rác kín P.BTT	-	312.343.743	
15	TCMX các điểm quay đầu xe đường ĐVCông	376.163.800	-	
16	Trồng cây xanh Cty Đại Quang Minh	6.118.243.118	-	
17	Vận chuyển rác	4.778.909.428	-	
<b>B</b>	<b>Hoạt động san lấp tái lập mặt đường</b>	<b>221.771.589</b>	<b>221.771.589</b>	
1	Hoạt động san lấp tái lập mặt đường	221.771.589	221.771.589	
<b>C</b>	<b>Hoạt động xây lắp</b>	<b>31.440.711.845</b>	<b>42.016.941.792</b>	
1	Đường vào khu tái định cư 17.3ha	-	45.688.004	
2	HTKT KN ở TDC số 3 khu 30ha Nam Rạch Chiềc	10.256.257.128	1.321.767.495	
3	Sửa chữa trường THCS An Phú 2013	-	40.983.150	
4	Sửa chữa MN An Phú và phân hiệu TH HVNgôi 2013	-	11.544.605	
5	Cải tạo sửa chữa VP ban chỉ huy QS P.CL	-	2.266.068	
6	Ban gạt MB tuyến Vành đai từ cầu Phú Mỹ	-	299.491.162	
7	Hệ thống chiếu sáng Phường Bình Trưng Đông	-	33.161.500	
8	Bia tường niệm Cầu Rạch Chiềc	-	1.877.731.734	
9	Bãi xe số 8 khu công nghiệp Cát Lái Q2.	-	21.771.818	
10	Trụ sở cảng vụ đường thủy nội địa TPHCM	-	900.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 05 - CHI TIẾT CÔNG TRÌNH DỒ DANG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
11	Sửa chữa Trụ sở Công An P.Bình Trưng Tây	-	205.534.548	
12	Chốt bảo vệ đầu đường A KCN	-	6.410.230	
13	Chợ tạm Thảo Điền	-	560.595.455	
14	Chợ Thảo Điền	-	7.449.340.647	
15	Phòng Trưng bày City Ford	-	423.663.588	
16	Sửa chữa MB thấm dột tại chung cư B27	-	1.268.000	
17	Cải tạo, xây dựng bổ sung kios chợ BKhanh	1.758.209.624	1.745.580.624	
18	Công Trình khác	-	40.367.862	
19	Sửa chữa cầu tạm KCN Cát Lái năm 2011	-	249.994.091	
20	Thi công khu vui chơi CV Bình Trưng Đông	-	46.230.043	
21	Công viên dự án Thủ Đức House Trần Nã	-	23.500.000	
22	Công viên Dạ Cầu Sài Gòn	-	16.086.558	
23	Tuyến đường kết nối dạ cầu GOT 2,3	24.047.164	-	
24	Đầu nối đường 15 vào đường Nguyễn Hoàng	46.303.895	-	
25	Đường kết nối dạ cầu Giồng Ông Tố - XNCTCC	854.552.292	854.552.292	
26	Đường kết nối dạ cầu Giồng Ông Tố - CTY	221.016.253	242.674.181	
27	Đường kết nối dạ cầu Giồng Ông Tố - XNXD	1.711.519.918	1.718.732.228	
28	Đường nối 2 chùa Đông Hưng và chùa Từ Phong	-	92.463.448	
29	Nâng cấp đường số 5,kp4, phường an phú	-	2.000.000	
30	Đường nối đường vào 2 vào đg Vành Đai Đông	-	28.373.909	
31	Diễn tập phương án PCCC CNCH Cảng Cát Lái	243.452.097	-	
32	Đường số 12, P.Cát Lái	-	36.379.909	
33	Đường tạm vào khu Tái định cư 17.3 ha	-	645.138.629	
34	Đường nối đường vào 2 KCN 2011	-	15.541.090	
35	Trạm ép rác kín Phường Cát Lái	-	128.866.622	
36	GPMB Khu ĐTMĐT _ Chùa Liên Trì	190.952.061	188.752.061	
37	Hàng rào nhà BV CT XDM TTH Thạnh Mỹ Lợi	-	1.139.786.206	
38	Hạ tầng KT KDC 174ha	348.486.259	347.410.259	
39	Hệ thống thu gom nước thải KCNCL-2011	-	1.684.429.143	
40	XD đường tạm và cải tạo HTTN Cty Hậu Giang	1.064.642.548	-	
41	Lắp đặt HTTN đường vào trường MN Cát Lái	-	155.974.453	
42	Nâng cấp và lắp đặt HTTN đường Bình Trưng	2.416.477.102	-	
43	Sửa chữa trường MN Bình An 2013	-	66.517.310	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 05 - CHI TIẾT CÔNG TRÌNH DỒ DANG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
44	Sửa chữa trường mầm non Hòa Mi Q2	-	222.443.618	
45	Sửa chữa Trường MN Vườn Hồng 2012	-	96.148.204	
46	Nâng cấp mặt đường và XDHTTN đường 2,3 P.BAn	450.455.342	958.816.485	
47	Nâng cấp đường 27 P.Bình An	-	694.298.245	
48	Nâng cấp hẻm 14/1 đường số 3 P.TML	-	255.700.175	
49	Nâng cấp mặt đường vàXD HTTN đường số 19, PTML	-	1.423.970.734	
50	Nâng cấp hẻm 162 phường Bình Trưng Đông	-	16.227.273	
51	Nâng cấp mặt đường 16 P.Bình An	573.012.486	-	
52	Nâng cấp mở rộng đường Trần Nảo	876.895.414	916.769.265	
53	Sửa chữa nhà điều hành KP2 P.Bình An	-	92.925.387	
54	Sửa chữa nhà điều hành KP3 P.Bình An	-	175.263.535	
55	Cải tạo nhà điều hành khu phố 4 P.TML	-	31.383.950	
56	Sửa chữa ban điều hành KP4 P.Bình An	-	77.649.027	
57	Sửa chữa cải tạo nhà xe, VP công ty	-	1.658.156.869	
58	Sửa chữa nhà sở hữu nhà nước Quận 2	-	86.800.008	
59	Hệ thống xử lý nước thải SH 600m3/Ngày đêm	-	281.527.133	
60	Nạo vét, thanh thải cùn đất bờ kè Cá Trê	-	1.648.500	
61	Nạo vét HTTN chợ Bình Khánh	-	2.881.000	
62	Phát quang mặt bằng VP Đảng đoàn khu CNCL-GĐ2	-	1.830.960	
63	Quận Ủy Quận 2	-	6.481.797	
64	Sửa chữa Bệnh viện Quận 2	-	95.693.772	
65	Sửa chữa chợ Bình Khánh (XN CTCC)	-	10.000.000	
66	Sửa chữa trụ sở Công ty năm 2013	-	5.247.519.988	
67	Sửa chữa hẻm số 7 đường Nguyễn Văn Giáp	-	182.874.185	
68	Sửa chữa trường MN Hoa Hồng 2013	-	159.518.985	
69	Sửa chữa trường mầm non Hoa Hồng	-	168.038.522	
70	Sửa chữa trường MN Thạnh Mỹ Lợi 2013	-	129.943.399	
71	Sửa chữa thấm, nứt tường, nắp hố ga CBK	31.171.219	31.171.219	
72	Sửa chữa trường THCS Nguyễn Thị Định 2013	-	105.192.150	
73	Sửa chữa mái tole và nhà vệ sinh chợ BK	4.793.288	4.793.288	
74	Sửa chữa trường mầm non Thạnh Mỹ Lợi	-	352.500.436	
75	Sửa chữa Trường Mầm Non An Phú	-	164.385.744	
76	Sửa chữa trụ sở BBT để bố trí Đội CSPCCC	-	-	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 05 - CHI TIẾT CÔNG TRÌNH DỒ DANG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
77	Sửa chữa trụ sở Phường Đội Cát Lái	-	33.455.083	
78	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị	-	11.222.000	
79	Sửa chữa Trường Tiểu học An Phú - LDC	-	196.645.881	
80	Sửa chữa trường tiểu học Giồng Ông Tố	-	58.287.298	
81	Sửa chữa Trạm y tế P.An Phú	-	9.685.000	
82	Sửa chữa Viện Kiểm sát Nhân Dân Quận 2	-	3.165.032	
83	Sửa chữa văn phòng công ty năm 2016	-	101.312.889	
84	Sửa chữa văn phòng UBND Quận 2	-	4.227.818	
85	Sửa chữa vách tường lầu 1 khu A chợ BK	19.772.244	19.772.244	
86	Trường Mầm non Sen Hồng	-	4.682.033	
87	Lắp đặt máy ATM Sở giao thông vận tải TpHCM	-	39.686.496	
88	Sửa chữa Sở giao thông vận tải TPHCM	-	348.421.013	
89	SLMB,lắp đặt dây phân cách Thủ Thiêm	52.727.272	52.727.272	
90	Thoát nước tổ 5,6,7 KP4, P.An Phú	-	255.882.808	
91	Khu tạm cư 1ha Thủ thiêm	363.666.518	358.585.332	
92	TCMX các điểm quay đầu xe đường ĐVCống	-	376.163.800	
93	TCMX một số vị trí trên đường Vành Đai Đông	-	-	
94	Trồng cây xanh Cty Đại Quang Minh	-	563.653.216	
95	Tái định cư 1 ha Thủ Thiêm	-	-	
96	Chung cư TĐC 6.4ha, Phường TML, Quận 2	-	-	
97	Sửa chữa trường tiểu học An Khánh 2013	-	155.218.917	
98	Trường Tiểu học An Khánh	-	142.443.495	
99	Sửa chữa Trường THCS An Phú	-	37.482.303	
100	Sửa chữa THCS An Phú 2012	-	248.866.609	
101	Trường THCS Giồng Ông Tố	-	75.473.776	
102	Trường THCS Lương Định Của	-	116.055.273	
103	S/C cải tạo Trường THCS Nguyễn Thị Định 2012	-	7.825.372	
104	Sửa chữa trường TH Huỳnh Văn Ngõi 2013	-	87.493.489	
105	Sửa chữa trường Tiểu học Huỳnh Văn Ngõi 2014	-	-	
106	Sửa trường tiểu học Nguyễn Thị Định 2014	-	18.508.768	
107	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	-	26.029.026	
108	Trường Tiểu Học Thạnh Mỹ Lợi	-	-	
109	Sửa chữa trường TH Thạnh Mỹ Lợi 2013	-	-	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 05 - CHI TIẾT CÔNG TRÌNH DỒ DANG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
110	XD các CT phụ trợ trạm trung chuyển rác P.BK	-	111.927.724	
111	Trường Bồi dưỡng Giáo Dục Quận 2	-	6.791.637	
112	Sửa chữa công, tường rào, nhà bảo vệ BV Quận 2	-	-	
113	Tường rào Ủy Ban Phường Bình Trưng Đông	-	9.053.636	
114	Cải tạo trường TH AK thành trường BDGD	-	14.153.612	
115	XD mới Trụ sở Ban Bồi Thường GPMB Quận 2	7.942.396.692	-	
116	Sửa chữa trụ sở Khu QL GT Đô Thị Số 2	-	102.462.847	
117	Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên	-	2.583.957	
118	Via hè Khu 174ha P Thạnh Mỹ Lợi	235.425.370	235.425.370	
119	Sửa chữa kho Trụ sở Cty TNHH MTV DVCI Q2	-	91.150.000	
120	Thiết kế sửa chữa VP, nhà ăn Công ty 2010	-	73.190.000	
121	Văn phòng đảng ủy công đoàn TN tại KCN CL	-	248.563.977	
122	Vạch sơn phân làn trên vỉa hè khách đi bộ	-	25.394.320	
123	Rào đất quanh dự án Phước An làm vườn ươm	-	6.145.162	
124	Xây dựng trụ sở UBND P.Thủ Thiêm	835.596.777	821.045.868	
125	Xây dựng tạm trụ sở UBND P.An Lợi Đông	257.977.951	217.894.172	
126	Xây dựng tạm trụ sở UBND P.An Khánh	660.904.930	648.172.203	
127	Xây dựng vỉa hè đường An Phú-Phường An Phú	-	11.616.000	
128	Bờ kè Xa lộ Hà Nội	-	8.183.000	
129	Trạm XLNT KCN Cát Lái 2	-	183.197.560	
130	Xây mới ban điều hành khu phố 4 P.BTĐ	-	33.977.773	
131	Trạm Y Tế P.Bình Trưng Đông	-	66.005.777	
132	Đường vào 2 KCN Cát Lái vào khu PCCC	-	323.012.178	
133	Chênh lệch số lẻ	1	1	
<b>D</b>	<b>Hoạt động kinh doanh bất động sản</b>	<b>233.768.893.189</b>	<b>251.037.740.109</b>	
1	DA dây 22m	22.677.447.828	21.693.479.681	
2	23ha Bình Trưng Đông	1.018.595.672	1.018.595.672	
3	293 m Bình Trưng Đông	702.118.300	702.118.300	
4	Dự án 4ha CBCNV Phường An Phú Q.2	12.462.243.627	2.995.948.523	
5	Chung cư Phú An Hoà	5.568.420	5.568.420	
6	Cao Ốc Phước An	40.985.697.766	41.624.840.162	
7	Khu dân cư số 1, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	127.900.875.842	-	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2****PHỤ LỤC 05 - CHI TIẾT CÔNG TRÌNH DỒI DANG***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**Đơn vị tính: VND*

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
8	Khu dân cư số 2,3,4; Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	22.257.758.889	174.706.340.939	
9	Khu dân cư số 5, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	2.125.733.049	8.290.848.412	
10	Dự án Trung tâm y tế P.Bình Trưng Tây Quận 2	3.632.853.796	-	
<b>E</b>	<b>Hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng</b>	<b>73.530.223.800</b>	<b>90.057.832.172</b>	
1	Khu CNCL gđ I P.TML Q2	27.096.115.496	26.062.487.553	
2	Khu CNCL giai đoạn II	45.583.031.204	63.144.267.519	
3	Khu CNCL giai đoạn 3	851.077.100	851.077.100	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>356.412.066.469</b>	<b>391.980.070.760</b>	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 06 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các dự án</b>	<b>20.077.084.588</b>	<b>44.698.681.991</b>	
1	Khu đô thị An Phú - An Khánh (131ha)	117.170.000	266.000.000	
2	TĐC 137ha Dự án Cầu Năm Lý	90.470.000	106.000.000	
3	14 nền thuộc dãy 22m - Liên tỉnh lộ 25B	518.499.100	536.180.000	
4	Bán nền nhà 173ha	193.279.150	764.602.161	
5	Khu tái định cư 1ha Thủ Thiêm	-	744.786.328	
6	Ban Bồi Thường Giải phóng mặt bằng Quận 2	11.736.300	11.736.300	
7	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Q2	1.568.504.818	18.114.717.000	
8	Lô C-D chung cư 17.3ha	631.232.402	1.337.570.121	
9	Khối AC lô CD khu CC 17.3ha	1.648.886.097	1.833.176.420	
10	Chung cư 173 ha (630 căn lô J)	915.793.307	1.267.780.406	
11	Chung cư 173 ha (512 căn lô N)	1.248.558.671	1.817.106.694	
12	Chung cư lôA - An Phú An Khánh	335.075.223	517.087.449	
13	Chung cư Bình Trưng Đông	1.672.859.979	1.782.351.744	
14	Chung cư Đức Khải	928.864.943	3.221.126.948	
15	Chung cư Đức Khải - 116 căn	2.079.097.445	1.869.928.100	
16	Khu CNCL giai đoạn I P.TML Q2	-	5.426.110.000	
17	Cao ốc An Cư	43.181.207	311.394.375	
18	Cao ốc An Phúc - An Lộc	69.880.259	1.430.668.466	
19	Cao ốc Lương Định Của	329.033.092	387.480.123	
20	17 Căn hộ cao ốc Thịnh Vượng	207.201.982	189.983.624	
21	Cao ốc FIDICO Thảo Điền	216.498.007	390.497.625	
22	Lãi 3% duy tu BD chung cư 1ha Thủ Thiêm	5.713.525	5.585.714	
23	Lãi 3% duy tu BD CC An Phú An Khánh	81.800	1.113	
24	Lãi 3% chung cư lô CD	396.500	-	
25	Lãi 3% chung cư đức khải	15.218.000	9.881.400	
26	Nền TDC 30ha Nam Rạch Chiềc	1.203.980.869	133.526.132	
27	TĐC khu dân cư số 1-143ha TML	619.331.663	1.265.216.013	
28	Khu tái định cư 50ha Cát lái Phường Cát Lái	3.190.395.099	854.195.496	
29	Chung cư TĐC 6.4ha TML(A4 A5 A6)-NH dung chung	68.745.395	-	
30	Chung cư TĐC 6.4ha TML (A1 A2A3)	285.167.319	38.992.936	
31	Chung cư TĐC 6.4ha TML (B1 B2 B3)	97.455.101	-	
32	Chung cư TĐC 6.4ha (Lô C)	55.570.829	64.889.116	
33	20 căn hộ CC lô CD -DA vòng xoay cầu SG	414.720.414	-	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 06 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
34	9 nền đất DA 17.3ha -DA CVVX chân cầu SG	641.384.960	-	
35	Tái định cư 1 ha Thủ Thiêm	653.101.132	-	
36	Khác	-	110.187	
<b>B</b>	<b>Đội công trình</b>	<b>1.652.994.574</b>	<b>1.892.743.269</b>	
1	Nguyễn Văn Bai	12.217.375	12.217.375	
2	Lê Đức Bình	2.954.540	2.954.540	
3	Lê Thành Hưng	92.009.731	43.529.031	
4	Lê Thành Hưng	16.816.347	15.134.475	
	Lê Thành Hưng	59.923.427	-	
5	Phạm Thanh Đoàn Hùng	667.836	667.836	
6	Lâm Xuân Lộc	3.611.441	3.611.441	
7	Nguyễn Thanh Mẫn	79.421.154	79.421.154	
8	Trần Văn Minh	431.046.718	431.046.718	
9	Châu Trọng Nghĩa	-	202.452.820	
10	Phan Ngữ Nguyên	58.720.254	199.929.221	
11	Nguyễn Văn Phú	133.624.162	133.624.162	
12	Nguyễn Minh Tâm	184.880.896	184.880.896	
13	Tô Vọng Thiên	40.662.183	40.662.183	
14	Trịnh Xuân Tín	-	6.172.907	
15	Nguyễn Đình Toàn	49.687.911	49.687.911	
16	Nguyễn Thanh Trà	1.334.930	1.334.930	
17	Nguyễn Ái Trường	199.631.138	199.631.138	
18	Phan Tấn Vĩnh	285.784.531	285.784.531	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21.730.079.162</b>	<b>46.591.425.260</b>	



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 07 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN TẠM ỨNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tạm ứng đội công trình</b>	<b>2.469.112.546</b>	<b>2.361.647.784</b>	
1	Nguyễn Nhật Bảo	-	1.600.000	
2	Nguyễn Hòa Bình	1.500.000	-	
3	Lại Đăng Chi	26.680.000	-	
4	Dương Huy Cường	16.000.000	-	
5	Nguyễn Hoàng Đức	6.804.114	-	
6	Hà Thị Mỹ Dung	4.473.699	4.909.114	
7	Thiều Lê Dũng	189.000.000	-	
8	Vũ Thị Gấm	25.000.000	-	
9	Đặng Thanh Hiền	41.065.684	-	
10	Nguyễn Ngọc Hiếu	26.000.000	-	
11	Phan Lê Trung Hiếu	369.400.000	821.100.000	
12	Nguyễn Thái Học	110.603.300	127.473.000	
13	Phạm Thế Hùng	20.000.000	-	
14	Trần Văn Hùng	-	2.656.550	
15	Vũ Minh Hùng	8.000.000	-	
16	Huỳnh Nguyễn Anh Huy	29.784.000	-	
17	Đỗ Duy Khánh	2.700.000	257.000.000	
18	Nguyễn Ngọc Liên	2.656.550	-	
19	Phạm Thị Liễu	2.656.550	1.961.760	
20	Lê Hoàng Linh	15.000.000	-	
21	Trần Thị Mộng Linh	-	10.000.000	
22	Nguyễn Văn Mỹ	3.020.000	-	
23	Đặng Hoàng Nam	10.000.000	-	
24	Trần Văn Ngọc	30.251.000	-	
25	Đỗ Đức Nhân	30.000.000	-	
26	Nguyễn Minh Nhật	3.020.000	-	
27	Nguyễn Thanh Phong	10.000.000	6.000.000	
28	Nguyễn Văn Phong	-	5.500.000	
29	Đình Trọng Phú	-	1.100.000	
30	Nguyễn Ngọc Thái	4.891.000	-	
31	Nguyễn Văn Thái	4.000.000	6.000.000	
32	Hoàng Minh Thắng	-	18.938.000	
33	Trần Tuyết Thanh	54.000.000	21.300.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**

**PHỤ LỤC 07 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN TẠM ỨNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
34	Trần Xuân Thành	30.000.000	15.000.000	
35	Võ Thanh Long	-	11.440.000	
36	Trần Thị Thu Thảo	-	7.590.000	
37	Lâm Chánh Thi	268.421.800	219.325.200	
38	Huỳnh Nguyễn Quang Thuận	151.800.000	-	
39	Cù Thị Hồng Thu	-	6.000.000	
40	Phạm Thị Ngọc Thùy	20.000.000	-	
41	Triệu Thị Thu Thủy	-	5.500.000	
42	Nguyễn Thanh Tiến	455.986.849	493.844.160	
43	Nguyễn Đình Toàn	303.110.000	169.510.000	
44	Nguyễn Thị Hương Trâm	50.000.000	-	
45	Nguyễn Thị Diễm Trang	7.500.000	19.000.000	
46	Nguyễn Văn Trường	121.288.000	-	
47	Nguyễn Anh Tuấn	5.500.000	9.900.000	
48	Nguyễn Thái Tùng	4.000.000	-	
49	Nguyễn Bảo Vương	5.000.000	-	
50	Đoàn Thị Hồng Yến	-	119.000.000	
<b>B</b>	<b>Tạm ứng công trình</b>	<b>8.235.283.271</b>	<b>11.419.057.023</b>	
1	Nguyễn Văn Bai	1.500.000	1.500.000	
2	Lê Đức Bình	132.000.000	132.000.000	
3	Lê Thành Hưng	2.823.025.312	3.383.322.264	
4	Nguyễn Ngọc Hùng	35.000.000	35.000.000	
5	Nguyễn Thanh Mẫn	395.584.500	395.584.500	
6	Trần Văn Minh	33.800.000	33.800.000	
7	Trần Sĩ Nam	60.428.000	60.428.000	
8	Châu Trọng Nghĩa	-	1.700.000.000	
9	Phan Ngũ Nguyên	33.132.167	592.000.000	
10	Lê Hồng Phúc	743.761.650	743.761.650	
11	Nguyễn Văn Phú	2.415.621.000	2.415.621.000	
12	Nguyễn Minh Tâm	970.018.546	970.018.546	
13	Tô Vọng Thiên	50.000.000	50.000.000	
14	Trịnh Xuân Tín	-	67.000.000	
15	Đặng Nhất Trí	162.700.000	162.700.000	

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 2**  
**PHỤ LỤC 07 - CHI TIẾT CÁC KHOẢN TẠM ỨNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND



STT	Tên đối tượng	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
16	Khấu Thành Tri	187.391.033	485.000.000	
17	Nguyễn Ái Trường	191.321.063	191.321.063	
<b>C</b>	<b>Tạm ứng cá nhân</b>	<b>62.620.000</b>	<b>38.960.000</b>	
1	Nguyễn Tuấn Dương	-	2.200.000	
2	Trần Thanh Hải	15.000.000	20.000.000	
3	Phạm Thị Như Hà	11.000.000	-	
4	Nguyễn Hữu Hùng	11.000.000	-	
5	Đào Minh Thành	12.100.000	11.000.000	
6	Văn Công Thuận	-	2.760.000	
7	Thượng Thanh Toàn	-	3.000.000	
8	Nguyễn Đình Trung	2.520.000	-	
9	Nguyễn Thanh Tùng	11.000.000	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.767.015.817</b>	<b>13.819.664.807</b>	